

Hương Thiền

TUYỂN TẬP VĂN THƠ KÍNH MỪNG VÍA PHẬT A DI ĐÀ

30



TƯỢNG PHẬT THỜI DƯƠNG HUYỀN TÔNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ



Cổng tam quan chùa Linh Bửu (Quận 8) hoàn thành vào tháng 9/2014

Chúng tôi trở về chùa Linh Bửu (Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh) vào một ngày nắng đẹp của mùa thu, ngày 22 tháng 7 âm lịch, cũng là ngày mà hàng năm nhà chùa tổ chức đại lễ cúng dường trai tăng và chẩn tế cầu siêu cho cừu huyền thất tổ, chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn.

Riêng năm nay, ngoài đại lễ cúng dường trai tăng, nhà chùa còn tổ chức lễ an vị tôn tượng Quán Âm Bồ tát và khánh thành cổng tam quan mới vừa đại trùng tu. Nhìn cổng tam quan với ba chữ lớn “Linh Bửu Tự” mà lòng tôi không khỏi bồi hồi xúc động khi nhớ hơn 50 năm về trước, khoảng năm 1959, nơi đây là vùng đất hoang sơ, cỏ mọc um tùm, lúa làm một vụ và cũng là nơi chiến tranh ác liệt nhất của mặt trận cửa ngõ Tây Nam Sài Gòn lúc bấy giờ.

(xem tiếp trang 68)

HƯƠNG THIÊN 30

BAN CỐ VẤN

HT. Thích Hiện Pháp

HT. Thích Giác Quang

HT. Thích Nhật Quang

BAN CHỦ NHIỆM

TT. Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

CHỦ BIÊN

Nhà báo Phan Cát Tường

VĂN PHÒNG

ĐC: 304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.HCM

ĐT: (08)38503410 - 0913724043

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA-VĂN NGHỆ

TP. HỒ CHÍ MINH - 2014

M U C L U C

03. HT. Hư VânTrì giới
04. Lê Mạnh Thát (dịch)Kinh Con Thỏ
09. HT. Thích Thanh TừTổ Ma Ha Ca Diếp
15. HT. Tịnh KhôngBuông
19. Thích Nhất HạnhChuyện của dòng sông
23. Tâm Không - Vĩnh HữuĐộng cửa thiền
35. Ahazam Zaryab Điều hâu và cây khô
41. Tuệ DungÁc khẩu và quả báo
48. Nguyễn Văn KỳMột ngày về Vĩnh Xương
54. Thích Giác QuangPhật pháp vấn đáp
58. Võ Thị Xuân HàLúa hát
68. Trần Khánh MinhChùa Linh Bửu
76. Phan Cát TườngChiếc phong bì sót lại
82. Nguyễn Đức TốOk Om Bok
89. Thích Nữ Hiền ThủAn cư kiết hạ
91. Nguyên DưNiêm Phật vãng sanh

Thơ: *Phạm Thiên Thư, Bùi Giáng, Viên Minh, Trần Phong Giao, Phan Cát Tường, Thích Tuệ Sỹ, Nam Chu, Đỗ Duy Ngọc, Nguyễn Châu Đức, Trần Thoại Nguyên, Lê Thị Kim, Huy Cận, Nhật Triết, Du Tử Lê, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Nhật Ánh, Nguyễn Hải Thảo, Trần Bảo Định, Nhã Ca, Lam Điền, Phạm Phú Hải.*

TRÌ GIỚI

HT. HU' VÂN *khai thị*

Đối với công phu tu đạo, việc đầu tiên là phải trì giới. Giới là gốc của đạo Bồ Đề vô thượng. Do giới mà sanh định. Do định mà phát huệ. Nếu không trì giới mà muốn tu hành thì không thể được. Kinh Lăng Nghiêm nói đến việc đức Phật nhắc chúng ta về bốn hạnh thanh tịnh. Chẳng trì giới mà muốn tu chánh định thì không thể nào thoát khỏi trần lao. Lại nữa, dầu hiện tại có phát sanh trí huệ hay thiền định, nhưng vẫn bị lạc vào tà ma ngoại đạo. Vì vậy, biết rõ việc trì giới rất quan trọng.

Xưa kia, nơi cạnh vương thành của nước Kế Tân, có một ngôi già lam. Gần đó có một con rồng độc, thường hiện ra hại người địa phương. Thế nên, năm trăm vị A La Hán trong chùa đó hợp lại nhau, dùng lực thiền định để đuổi con rồng độc này đi, nhưng không thể được. Sau này, có một vị tăng chưa từng biết đến thiền định, mà chỉ nói với con rồng độc câu:

- Nay Hiền Thiện ! Xin hãy rời khỏi chỗ này.

Nghe thế, rồng độc liền bay đi nơi khác. Chúng tăng A La Hán hỏi vị tăng kia rằng dùng thần thông gì mà đuổi được rồng độc. Vị tăng kia đáp:

- Tôi không biết dùng thần lực thiền định, nhưng chỉ chân chánh trì giới cẩn mật. Hộ trì giới khinh cũng như giới trọng.

Như thế, lực thiền định của năm trăm vị A La Hán, không thể sánh bằng một vị tăng nghiêm thủ giới luật.

Kinh Con Thỏ



Ngày xưa, có một vị Phạm chí sống đến một trăm hai mươi tuổi, vẫn giữ trinh không cưới vợ, chuyện dâm dục không màng đến, sông tĩnh lặng nơi núi đằm, không ưa đời phú quý, dùng cỏ tranh làm lều; cỏ bông, cỏ hoa làm chiếu, uống nước suối, ăn

quả rừng, cốt để giữ mạng sống, chí rộng, hạnh cao, thiên hạ đều ca ngợi đức độ.

Nhà vua đã từng mời làm tướng quốc, nhưng ông một lòng vì đạo không ra làm quan. Ông ở chôn núi đằm này hơn mấy mươi năm, nhân từ trùm khắp, cả loài cầm thú đều được nhờ cậy.

Bây giờ có bốn con thú là cáo, rái cá, vượn và thỏ, hàng ngày chúng cùng đường đạo sĩ và tĩnh tâm nghe kinh. Sự việc trải qua nhiều năm, trái cây nơi núi này dần dần hết

cả, đạo sĩ muốn đi tìm nơi khác có nhiều trái cây hơn. Bốn con thú lo buồn, nói:

- Tuy có kẻ sĩ vinh hoa khắp cả nước, nhưng như nước bắn đầy cả biển không bằng một thưng, một đấu nước cam lộ. Đạo sĩ đi rồi không còn được nghe Thánh điển nữa, chúng ta sẽ bị suy thôi. Vậy mỗi chúng ta phải tùy nghi xoay sở tìm đồ ăn thức uống cúng dường đạo sĩ, thỉnh ngài ở lại núi này để được nghe đại pháp.

Bọn chúng đều nói:

- Được.

Con vượn lãnh phần tìm hái quả. Con cáo hóa làm người kiếm được một túi lương khô. Con rái thì bắt được cá lớn. Ba con đều nói:

- Số lương thực này có thể cung cấp cho đạo sĩ trọn một tháng. Con thỏ tự nghĩ: “Ta sẽ lấy gì để cung cấp cho đạo sĩ đây?”.

Rồi nó nói:

- Hễ có sống thì phải có chết, thân này là đồ mục nát, rồi sẽ bỏ đi, cho vạ kẻ phàm phu ăn không bằng cúng dường cho đạo sĩ một bữa.

Nó lấy củi nhóm lửa thành than, hướng về đạo sĩ, thưa: “Thân con tuy nhỏ, nhưng có thể cung cấp cho ngài được một ngày”.

Nói rồi, nó liền lao mình vào lửa, nhưng lửa không cháy. Đạo sĩ thấy thế, hết sức cảm kích về việc làm của nó,

SEN

PHẠM THIÊN THƯ

Cành sen lá trĩu sương trong
Áo ni xám vạt trời hong buồn về
Tay nào nghiêng nón thơ che
Tay nào lần chuỗi bồ đề xanh xao.

Đôi mày lá phượng cất cao
Đôi môi chín ửng khoe đào rùng mợ
Tiếng nàng vỡ bạc thành thơ
Tụng dòng kinh tuệ trên tờ khói mây.

(Trích Động Hoa Vàng)

nên khiến như vậy. Chư Phật khen ngợi công đức ấy, Thiên thần đem lòng lành nuôi dưỡng. Đạo sĩ liền ở lại nơi đó, ngày ngày nói diệu kinh. Bốn con thú tuân theo, thọ nhận lời dạy dỗ.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

-Vị Phạm chí ngày ấy chính là Đức Phật Định Quang, con thỏ là thân Ta, con vượn là Thu Lộ Tử, con cáo là A-nan, còn con rái là Mục-kiên-liên.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh độ vô cực, đã bố thí như vậy.

(Trích Lục độ tập kinh - Lê Mạnh Thát dịch)

PHỤNG HIẾN

B ù I GI Á N G

Tôi chấp thuận trăm lần trong thổn thức

Tôi bàng hoàng hốt hoảng những đêm đêm

Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt

Tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em

Tôi tự nguyện sẽ một lòng chung thủy

Qua những lần buồn tủi giữa đảo điên

Thân xương máu đã đành là ủy mị

Thì xin em cùng lên thác xuống ghềnh

Em đứng mũi chịu sào có vững

Bàn tay bưng đĩa muối có chắm gừng

Tôi đã nguyện yêu trần gian nguyện vẹn

Hết tâm hồn và hết cả da xương

Xin yêu mãi mãi và yêu nhau mãi

Trần gian ôi! Cánh bướm cánh chuồn chuồn

Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại

Con vi trùng sâu bọ cũng yêu luôn.

Còn ở lại một ngày còn yêu mãi

Còn một đêm còn thờ dưới trăng sao

Thì cánh mộng còn tung lên không ngại

Núi trời xanh tay với kiếng chân cao.



Tổ Ma Ha Ca Diếp
(Mahakasyapa)

“Ca-Diếp đến đây! Ta nhường nửa tòa cho ngài”.

(Đức Phật)

Tổ Ma Ha Ca Diếp

(Mahakasyapa)

HT. THÍCH THANH TỪ

Đồng thời đức Phật, Ngài thuộc dòng Bà-la-môn (Brahmana) ở nước Ma-Kiệt-Đà, cha tên Âm-Trạch, mẹ tên Hương-Chí.

Thuở bé, Ngài dung nghi trang nhã, toàn thân màu vàng, ánh sáng chiếu rất xa. Thầy tướng xem tướng ngài nói:

- Đứa bé này đời trước có phước đức thù thắng, lẽ ứng xuất gia.

Cha mẹ Ngài nghe nói lo sợ, cùng nhau thăm bàn (sẽ cưới vợ đẹp để làm nhứt chí của nó). Vừa lớn lên, cha mẹ liền lo chọn người lập gia thất cho ngài, nhưng ngài một bề từ chối, sau cùng bất đắc dĩ ngài phải nói:

- Có người con gái nào thân đồng màu sắc như con, con mới ưng cưới.

Cha mẹ ngài bèn đúc một tượng vàng, đẩy đi khắp trong nước, tìm người nữ nào giống màu sắc ấy, cưới cho ngài. Quả nhiên, gặp được một cô con gái giống hệt như ngài, thế là ngài phải lập gia đình.

Bởi đời đức Phật Tỳ Bà Thi (Vipasyin), sau khi Phật Niết-bàn, chúng xây tháp thờ Xá-lợi, trong tháp có an trí một pho tượng Phật phết vàng. Lâu ngày pho tượng trên mặt bị lở khuyết. Khi ấy, ngài Ca-Diếp là thợ đúc vàng. Có cô gái nhà nghèo, vì thấy mặt Phật hư khuyết, cô còn một đồng tiền vàng đem đến nhờ Ngài Ca-Diếp nấu ra để phết lại tượng Phật. Thấy cô phát tâm tu bồ tượng Phật, ngài rất hoan hỷ đứng ra làm chu tất việc này, nhưn đó, hai người cùng nguyện đời đời sẽ làm vợ chồng, mà coi như đôi tri-kỷ, chớ không vì tình dục.

Do phước báo đó nên 91 kiếp thân thể hai vị đều toàn một màu vàng. Sau sanh cõi Phạm-thiên, hết phước cõi Phạm-thiên chết, sanh về cõi này trong nhà Bà-là-môn giàu có hiện tại. Tuy hiện nay hai vị làm vợ chồng, mà sống như tình tri-kỷ, không có ý dâm dục.

Đến sau, cả hai đều xin cha mẹ xuất gia. Cha mẹ bằng lòng, Ngài liền xuất gia làm Sa-môn vào núi tu hạnh Đầu-đà (Dhuta). Một hôm, nhưn nghe trong hư không có tiếng bảo:

- Phật đã ra đời, nên đến đó thọ giáo.

Ngài liền tìm đến tịnh-xá Trúc-Lâm, chí thành đánh lễ Phật.

Phật bảo:

- Lành thay Tỳ-kheo đến đây, hãy cạo bỏ râu tóc đi.

Ngài liền cạo bỏ râu tóc, thọ giới Tỳ-kheo, mặc y

cà-sa. Từ đây, ngài theo Phật hiểu sâu giáo pháp, tinh tấn tu hành không lúc nào lơ lửng, cho đến chứng quả A-La-Hán. Có lần ngài từ xa đến ra mắt Phật. Các chúng Tỳ kheo ngồi vây quanh Phật, trông thấy ngài mặc y bằng vải rách, thân hình tiều tụy, có ý thâm khinh. Phật biết, bèn bảo:

- Ta có đại từ đại bi, các thiên-định tam-muội và vô lượng công đức để tự trang nghiêm. Tỳ-kheo Ca-Diếp cũng như thế. Do đó, ta nhường nửa tòa cho Ca-Diếp ngồi.

Chúng Tỳ-kheo đều dứt tâm ngạo mạn, lại thâm cung kính ngài. Hôm nọ, Phật ở trong hội Linh-sơn, tay cầm cành hoa sen đưa lên, cả hội chúng đều ngơ-ngác. Chỉ có ngài đặc ý chúm chím cười (niêm hoa vi tiếu). Phật bảo:

- Ta có chánh Pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, pháp môn màu nhiệm, chẳng lập văn tự, ngoài giáo lý truyền riêng, nay giao phó cho ngươi. Ngươi khéo gìn giữ chánh pháp này, truyền trao mãi đừng cho dứt, đến sau sẽ truyền cho A-Nan. Thế-Tôn đến trước tháp Đa-Tử gọi Ma-Ha-Ca-Diếp đến chia nửa tòa cho ngồi, lấy y Tăng-Già-Lê quấn vào mình Ca-Diếp, rồi nói kệ phó pháp:

Pháp bốn pháp vô pháp

Vô pháp pháp diệt pháp

Kim phó vô pháp thời

Pháp pháp hà tăng pháp.

Dịch:

Pháp gốc pháp không pháp

Pháp không pháp cũng pháp

Nay khi trao không pháp

Mỗi pháp đâu từng pháp.

Ngài già yếu, Phật nhiều lần khuyên:

- Ca-Diếp tuổi đã già, nên ở một chỗ nhận những thức cúng dường của thí chủ, chớ đi khát thực nhọc nhằn.

Ngài bạch Phật:

- Con tuy già yếu, song không dám ở một chỗ thọ sự cúng dường của thí chủ. Vì sợ e sau này, các Tỳ kheo đời sau sẽ nói:

- Đệ tử lớn của Phật trước kia vẫn ở một chỗ thọ sự cúng dường, rồi họ sanh phóng túng.

Lúc Phật Niết-bàn tại thành Câu-Thi-Na trong rừng Sa-La, thì ngài đang ở trong động Tất-Bát-La (SthaviRa) trên núi Kỳ-Xà-Quật. Nghe tin Phật Niết-bàn, ngài và 500 đệ tử vội vã hướng về thành Câu-Thi-Na. Đến nơi, đã để Phật vào kim-quan, ngài buồn bã. Thầy trò đi nhiễu kim-quan ba vòng, rồi đánh lễ Phật. Khi ấy, hai bàn chân Phật duỗi ra ngoài kim quan để an ủi ngài. Ngài vuốt ve hai bàn chân Phật, lòng rất bi thảm.

Sau khi thiêu thân Phật xong, ngài tuyên bố với chúng Tỳ-kheo:

- Xá-lợi của Phật giao cho trời, người xây tháp thờ làm ruộng phước, còn trách nhiệm Tỳ-kheo chúng ta phải lo kết tập kinh điển để lưu lại đời sau.

Ngài bèn nói kệ:

Như-Lai đệ tử

Thả mặc Niết-bàn

Đắc thần thông giả

Đương phó kiết tập

Dịch:

Đệ tử Như-Lai

Chớ vội Niết-bàn

Người được thần thông

Nên đến kiết tập.

Thế là, sau Phật Niết-bàn 7 ngày, Ngài triệu tập 500 vị đại A-La-Hán tụ họp tại núi Kỳ-Xà-Quật, trong động Tất-Bát-La kiết tập. Chỉ có tôn giả A-Nan không được dự hội, vì chưa sạch các lậu. Tôn-giả A-Nan buồn bã, suốt đêm chuyên tâm thiền định, đến gần sáng liền chứng ngộ, các lậu dứt sạch được quả A-La-Hán.

Sau đó, tôn giả được mời dự hội. Ngài thưa toàn chúng:

- Tỳ-kheo A-Nan nhớ giỏi bậc nhất, thường theo hầu hạ Như-Lai, nghe pháp Phật nói ghi nhớ không sót, như nước rót vào bình không rơi ngoài một giọt, nên mời kiết tập tạng Kinh và tạng Luận. Mời Tỳ-kheo Ưu-Ba Ly kiết tập tạng Luật. Toàn chúng đều hoan hỷ chấp thuận.

Hội kiết-tập này, Ngài là chủ-tịch. Sau cuộc kiết tập đã viên mãn, nhưn duyên độ sanh đã xong xuôi, Ngài thấy

BUÔNG

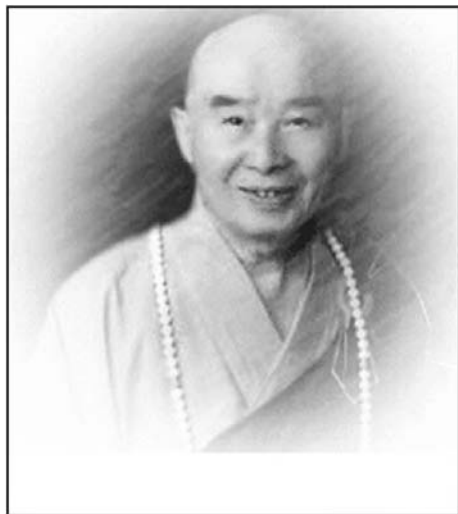
VIÊN MINH

Trong ngoài lặng lẽ chẳng vin đâu
Sáng suốt hồn nhiên khỏi vọng cầu
Buông hết một phen đừng luyến tiếc
Ai hay qua đó thấy đạo màu.

tuổi đã già yếu lắm, bèn gọi tên giả A-Nan đến bảo:

- Khi Như-Lai sắp vào Niết-bàn có dặn ta đem chánh pháp nhãn tạng giao phó cho ông. Nay ta sắp ản, đúng lúc giao phó cho ông, ông phải khéo gìn giữ chớ để đoạn dứt.

Ngài nhớ lời Phật dặn gìn giữ y bát của Phật đọi đến Phật Di-Lặc ra đời sẽ trao lại, nên dự bị vào núi Kê-Túc nhập định. Liên đó, Ngài đi từ giả vua A-Xà-Thế và những người thân thuộc, rồi vào núi Kê-Túc trải tòa cỏ ngồi an nhiên nhập định.



HT. TỊNH KHÔNG

“...Đã thật sự buông xuống, dẫu chưa đọc một bộ kinh nào, như Lục Tổ Huệ Năng đại sư chưa từng đọc một bộ kinh nào, nhưng kinh gì Ngài cũng đều hiểu hết!”

Buông!

HT. TỊNH KHÔNG

Bát Nhã đích thực là phải đích thân chứng ngộ, chứng như thế nào? Tức là buông xuống.

Khi buông xuống, chúng ta sẽ biết rõ, sẽ hiểu rõ. Nếu không buông xuống, dù hết thầy chư Phật có dạy chúng ta thì vẫn như “gãi ngứa ngoài giày”, không dễ gì thấu hiểu được.

Chúng ta buông xuống một phần sẽ thấu hiểu một phần; chúng ta buông xuống hai phần sẽ thấu hiểu hai phần; buông xuống càng nhiều, thấu hiểu càng nhiều hơn nữa.

Vì thế, nhất định phải từ buông xuống mới thấy được hiệu quả, đấy gọi là Phật pháp chân chính. Ví như chúng ta đọc trọn khắp Tam Tạng mười hai bộ kinh, đọc đến thuộc lòng, có thể đọc lâu lâu từ phần cuối đến phần đầu, nhưng không thể buông xuống thì vẫn vô dụng, sự hiểu biết về Phật pháp của chúng ta chỉ là văn tự ngoài da.

Thật ra, có hiểu rõ văn tự hay không? Vẫn là chẳng hiểu văn tự! Cần phải thật sự đích thân chứng đến cảnh giới, sau đó, xem văn tự trong các kinh do đức Phật đã giảng,

Dầu mưa bằng tiền vàng, các dục khó thỏa mãn
Dục đáng nhiều ngọt ít, biết vậy là bậc trí.

(Kinh Pháp Cú 186)

chúng ta mới thật sự hiểu được.

Đây chính là chỗ khó khăn trong Phật pháp. Chỗ khó khăn này cũng chính là chỗ dễ dàng của Phật pháp, vì Phật pháp là pháp môn Bất Nhị, khó và dễ không hai.

Vì sao nói là khó? Không buông xuống sẽ khó. Học hơn mấy trăm năm, đọc thuộc Tam Tạng mười hai bộ kinh, nhưng chẳng lãnh hội, không hiểu, không phải là khó hay sao?

Tại sao nói là dễ? Buông xuống sẽ dễ dàng, đã thật sự buông xuống, đâu chưa đọc một bộ kinh nào, như Lục Tổ Huệ Năng đại sư chưa từng đọc một bộ kinh nào, nhưng kinh gì Ngài cũng đều hiểu hết, [nên nói] là dễ.

Do vậy khó hay dễ là ở chỗ nào? Chỉ là chịu buông xuống hay không mà thôi.



Thiền sư THÍCH NHẤT HẠNH

“Dòng sông nhận ra rằng cái mà lâu nay mình theo đuổi đã nằm sẵn trong lòng mình”.

Chuyện của dòng sông

THÍCH NHẬT HẠNH

Có một dòng sông rất đẹp chảy qua núi đồi và đồng cỏ xanh tươi. Dòng sông ca hát nhảy nhót tung tăng từ trên núi xuống đồng bằng. Xuống đồng bằng, dòng sông chảy chậm lại, mặt nước trong xanh êm mát. Lúc ấy dòng sông còn trẻ lắm, và dòng sông muốn chảy mau ra biển cả. Dòng sông càng lớn càng đẹp ra, lượn khúc yêu kiều ven đồi và bờ lúa.

Một ngày kia dòng sông chú ý đến sự có mặt của những đám mây trong nước. Mây đủ màu sắc, hình thể, đẹp quá chừng, nên suốt ngày dòng sông cứ miệt mài chạy đuổi theo những đám mây, mong bắt được một đám mây cho riêng mình. Nhưng mây cứ lơ lửng tầng cao khó mà bắt được, nhất là mây cứ thay hình đổi dạng không ngừng. Vì mây vô thường như vậy nên dòng sông rất đau khổ. Chạy đuổi bắt theo mây thì vui nhưng sau đó dòng sông đầy thất vọng, u sầu và tức giận.

Một ngày kia một cơn gió lớn đi qua, quét sạch mây trên trời. Bầu trời trở nên quang đãng không còn một bóng mây, dòng sông náo nê tuyệt vọng, không còn muốn sống nữa. *“Không còn mây để chạy theo ta sống để làm gì?”*

Tối hôm đó, lần đầu tiên trong đời, dòng sông quay trở về tiếp xúc với chính mình. Lâu nay dòng sông chỉ đuổi theo những cái bên ngoài mà không bao giờ thấy được cái chính mình. Tối hôm đó, lần đầu tiên dòng sông được nghe tiếng mình khóc, âm thanh sóng vỗ vào bờ. Dòng sông lắng nghe tiếng của mình và khám phá ra một điều rất quan trọng. *Dòng sông nhận ra rằng cái mà lâu nay mình theo đuổi đã nằm sẵn trong lòng mình.* Tưởng mây là gì, đâu ngờ mây chỉ là nước. Mây sinh ra từ nước và bây giờ mây trở thành nước. Và dòng sông tự bao giờ cũng vẫn là nước như một đám mây.

Sáng hôm sau khi mặt trời lên cao, dòng sông khám phá ra thêm một điều thật đẹp - đây là lần đầu tiên dòng sông thấy được bầu trời xanh thẳm. Lâu nay dòng sông chỉ chú ý đến mây, không chú ý đến bầu trời. Bây giờ sông mới biết rằng bầu trời là quê hương của các đám mây. Mây luôn luôn thay đổi, nhưng bầu trời không bao giờ thay đổi. Và bầu trời cao đã có mặt trong dòng sông tự thừa nào. Cái thấy này đem lại cho dòng sông một nguồn an lạc lớn. Dòng sông hiểu rằng bao giờ bầu trời xanh còn có mặt, niềm an lạc của dòng sông sẽ mãi mãi vững bền.

Trưa hôm đó, các đám mây lại lục tục trở về nhưng dòng sông không còn tha thiết muốn đuổi bắt nữa. Đám mây nào đi qua, dòng sông cũng thấy đẹp và cũng vẫy tay chào. Dòng sông không còn thấy buồn tủi hay lưu luyến. *Bởi đám*

mây nào cũng là một dòng sông, chẳng còn phải chọn lựa.
Một niềm an vui hài hòa đã kết hợp mây và sông.

Tối hôm đó một điều thật tuyệt diệu đã xảy ra. Dòng sông mở rộng lòng đón mặt trăng rằm - mặt nguyệt tròn vành vạnh và sáng rực rỡ như một viên bảo châu trong dòng nước trong vắt.

Có một bài kệ miêu tả hình ảnh đẹp đó:

Bồ tát thanh lương nguyệt

Thường du ư tất cảnh không,

Chúng sanh tâm cấu tịnh,

Bồ đề ánh hiện trung.

(Bồ tát là vàng trăng mát đi ngang trời thái không, hồ tâm chúng sanh lặng, trăng hiện bóng trong ngần)

Dòng sông trong vắt đã làm hiện rõ bóng trăng và trăng đã cùng mây nước dắt tay nhau đi thiền hành về biển cả. Chẳng có gì phải chạy đuổi theo. Chỉ cản trở về với mình, trở về với hơi thở và nụ cười, trở về nơi mình ở, nơi có thông reo, chim hót và nắng ban mai, còn nơi nào đẹp hơn nữa?

ĐỊA ĐÀNG VỠ MỘNG

PHAN CÁT TƯỜNG

Phật về gieo hạt từ bi
Đất tâm sống dậy, nhu mì em qua
Cõi nào là cõi người ta
Mà ai qua đó cũng là thương đau!

Xin Ngài kết cuộc ly tao
Để cho địa ngục thêm màu nhân gian
Câu kinh vỡ mộng địa đàng
Em đi vỡ mộng nắng vàng biển xanh.

Như là chiếc lá xa cành
Tâm rơi rụng giữa những hành vô minh
Hỏi em sao đứng một mình
Em rằng đứng giữ cuộc tình đôi ta!

Cuộc tình như giọt mưa sa
Rơi qua một cõi thiên hà mộng du
Xin em mở cửa ngục tù
Nghe thiên thu gọi, nghe mù sa bay.



Động cửa thiên

TÂM KHÔNG - VĨNH HỮU

Đầu xuân, chùa làng nghi ngút hương trầm, thiện nam tín nữ chen chúc nhau vào chánh điện dâng hương bái Phật. Người ra kẻ vào ngược xuôi như bắt tận, mặt ai nấy đều vui tươi phấn chấn, y rằng cuộc đời



này không hề có đau khổ lo toan. Nhưng rồi, mọi người phải cau mày nhíu mặt khi trông thấy một cô gái lạ lùng đang lảng vảng ngoài sân chùa, hết như người từ hành tinh xa lạ mới xuống thăm trái đất.

Cô gái lạ lùng vì nổi bật giữa đám đông do có một sắc đẹp mê hồn, phải công nhận là tuyệt thế giai nhân. Dáng cao hơn một thước bảy. Tóc đen óng ả phủ dài xuống lưng. Những vòng đo lý tưởng. Đầy đặn và trắng trẻo. Gương mặt khả ái, sáng sủa. Nếu không là hoa hậu hoa khôi, thì cũng là người mẫu tầm cỡ ngôi sao. Không ai có thể nhẫn mặt bực mình trước cái đẹp bao giờ. Có điều, chỉ vì cô gái đã tự chọn cho mình bộ trang phục quá độc đáo,

quá quái gở. Chiếc váy ngắn cũn cỡn, tưởng như không còn kiểu nào ngắn hơn, khoe cặp giò dài khêu gợi. Chiếc áo thun bó sát ôm lấy thân trên bốc lửa, thân áo trước và thân áo sau được liên lạc với nhau chỉ bằng hai sợi dây mỏng mảnh vắt qua hai bên bờ vai tròn trịa và đầy đặn. Đẹp không chê vào đâu được, nhưng nếu cô ta đang đứng trên sàn diễn, hoặc đi trên phố cờ hoa rực rỡ ngoài kia. Đàng này, cô ta lại xuất hiện ngay chốn già lam tôn nghiêm thanh tịnh mới gây nên những nổi bất bình từ những người chung quanh. Sự khó chịu hiện rõ trên gương mặt những ai nhìn thấy cô gái, nhưng chưa ai lên tiếng thẳng thắn góp ý với con người lạ lùng, chỉ mới nghe những lời chê trách đàm tiếu nhỏ nho nhỏ phía sau lưng người đẹp.

Bỗng một anh huynh trưởng gia đình Phật tử bước lại bên cô gái, đưa cho cô ta một chiếc áo tràng màu lam, giọng nhã nhặn:

- Chào chị, chị vui lòng mặc chiếc áo này vào, nếu cần thì chị có thể mặc luôn về nhà, tôi rất lấy làm hân hạnh khi được tặng chị nhân ngày đầu năm mới!

Cô gái tròn xoe đôi mắt, nhìn anh huynh trưởng, rồi nhìn chiếc áo tràng với vẻ kinh ngạc, thản nhiên lắc đầu. Anh huynh trưởng bực bội, giữ chiếc áo tràng tới, nói:

- Chị làm ơn mặc vào giùm cho. Đừng để mọi người khó chịu, và đừng để chư tăng nhìn thấy được mà tổn đức đó!

Cô gái nhíu cặp chân mày lá liễu, hỏi cộc lốc:

- Vì sao?

Anh huynh trưởng không còn tự chủ được, cúi gắt:

- Chị còn chưa hiểu vì sao ư? Nơi đây là chốn tôn nghiêm, không phải chỗ chợ búa hay sân khấu kịch trường, cho nên trang phục trên người chị không phù hợp chút nào, rất chướng mắt mọi người. Chị thật tình không biết, hay giả bộ không biết?

Cô gái phì cười, một nụ cười tươi tắn tuyệt đẹp, lắc đầu:

- Biết làm gì để vướng? Ai thấy chướng thì đừng nhìn. Mấy người đi chùa lễ Phật bái tăng, hay là đến đây để nhìn ngắm nhau? Ai tu nấy chứng, hãy để cho tôi yên!

Anh huynh trưởng bối rối, không biết phải xử sao, trong lúc nhất thời đành đứng đực ra đó với chiếc áo tràng trên tay. Thời may, có một vị sư trẻ bước lại đứng trước cô gái, xá dài một cái, cất giọng từ tốn:

-A Di Đà Phật! Cửa Từ Bi luôn rộng mở để phổ độ chúng sanh, không phân biệt giàu nghèo sang hèn, trẻ già nữ nam... Nhưng, đừng vì vậy mà xem thường chốn thanh tịnh, tạo nên phiền toái. Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy, chị ăn mặc như vậy mà vào chùa, có khác nào báng bổ đạo giáo, xúc phạm Tam Bảo? Mong chị hoan hỷ mặc áo tràng vào cho...

Cô gái cười duyên dáng, hỏi:

- Thầy thấy tôi ăn mặc thế nào?

Vị tăng trẻ lúng túng:

- Ồ... thì... rất hờ hang ... không nghiêm túc kín đáo... và...

Cô gái đưa tay vuốt mái tóc, ưỡn bộ ngực đầy sức sống, thản nhiên nói:

- Thầy tu hành mà còn chấp quá! Tâm của thầy còn động lắm. Lục căn của thầy chưa được tinh tấn, vẫn còn vương điều phàm tục. Tốt hơn hết, thầy nên đóng cửa nhập thất để khỏi nhìn thấy những điều bất thanh bất tịnh ở phụ nữ đàn bà!

Vị tăng trẻ xanh mặt, cúi đầu, mắt nhìn chằm chằm xuống đất, bước đi lẩn vào đám đông Phật tử ngược xuôi ngoài sân... Cô gái cười nửa miệng, quay sang hỏi anh huynh trưởng:

- Anh có vui lòng chỉ cho tôi tịnh thất của sư trụ trì không? Tôi đang rất muốn được vào vấn an ngài, và thỉnh giáo đôi điều...

Anh huynh trưởng nhú mày nghĩ ngợi, tặc lưỡi:

- Dẫn chị vào tịnh thất của thầy trụ trì thì thật là không nên chút nào. Nhưng, có lẽ phải làm điều đại đột này, vì chắc tình huống oái ăm khó xử như bây giờ, chỉ có thầy mới đủ đạo lực khai tâm điểm đạo cho chị thấy được phải trái!

Nói rồi, anh ta mời cô gái đi theo mình, băng qua

đám đông, vào phía dãy nhà sau chánh điện. Anh ta dừng lại trước cửa một căn phòng, quay sang nói với cô gái:

- Chị vui lòng đứng chờ ở đây một lát, để tôi vào cáo bạch với thầy trước, khi nào thầy đồng ý tiếp khách, tôi sẽ ra mời chị vào. Được chứ?

- Ô-kê!

Anh huynh trưởng nhún vai ngán ngẩm, đưa tay gõ cửa ba cái. Bên trong có tiếng vọng ra: “Ai? Cần gì?”. Anh huynh trưởng cao giọng:

- Bạch thầy, con là Tâm Tịnh, huynh trưởng gia đình Phật tử, có việc cần cáo bạch với thầy ạ!

Bên trong phòng vang lên giọng sang sảng:

- Tâm Tịnh đó ư? Vào đi, cửa không khóa!

Anh huynh trưởng mở cửa, bước nhanh vào trong và đóng lẹ cánh cửa lại. Cô gái đứng tùm tùm cười, chờ đợi với vẻ háo hức. Chừng mười phút sau, cửa mở, anh huynh trưởng bước ra, nói:

- Chị được phép vào. Nhớ giữ ý giữ tứ một chút nhé!

Cô gái cười khẩy, bước vào phòng. Một vị tăng tuổi độ lục tuần đang ngồi trên chiếc phản mun đen bóng trong tư thế kiết già, ánh mắt sáng rực rọi chiếu thẳng vào mặt vị khách mới vào. Cô gái chấp tay xá ba cái, thưa:

- Bạch thầy, con có thắc mắc xin thầy điềm giáo...

- Cứ hỏi. Đây nghe.

- Bạch thầy, con ăn mặc như thế này, vào chùa lễ Phật bái tăng, lại bị mọi người chê trách chỉ trích, bị tăng phê bình bắt lỗi, xin hỏi thầy ai đúng ai sai?

- Ai cũng đúng. Ai cũng sai.

- Bạch thầy, người phạm cố chấp đã đành, nhưng người đã xuất gia tu hành mà vướng mắc những chuyện lễ nghi giáo điều để đi bắt bẻ con, xin hỏi thầy là đúng hay sai?

- Vừa sai, vừa đúng!

- Sao là sai? Sao là đúng?

- Sai, vì tu hành mà chấp nhặt những điều nhỏ nhặt.

Đúng, vì giữ gìn thanh tịnh cho chốn già lam tôn nghiêm, đó là bổn phận, là nhiệm vụ phụng sự Tam Bảo, hoằng dương Chánh Pháp!

- Con từng nghe rằng, ngọn cờ pháp phôi bay, thật ra cờ không bay mà gió bay, nhưng thật ra gió chẳng động mà do tâm của con người đang động. Phải vậy chăng?

- Thật hay! Thật hay!

- Vậy, theo thầy thì con ăn mặc ra sao?

- Bình thường.

- Đáng trách hay đáng khen ạ?

- Hợp thời trang. Hiện đại. Gọn gàng. Tiết kiệm.

Nếu người mặc không hề thấy gương ngliu, không chút gương gao, không phải âu lo, thông dong khú đáo xuất nhập như rỗng đạp mây, thì thật là đáng khen ngợi. Nếu mặc vào

mà luôn thấy bị gò bó, thấy như bị mang của nợ, mang xích xiềng, không thoải mái đi đứng nằm ngồi thì thật là đáng thương, tội nghiệp, chứ không đáng trách!

Cô gái cười khành khách ra điều thích thú. Sự trụ trì bật cười ha hả, tiếng cười tự tại vang động như đã rung chuyển cả giàn ngói rong rêu của tịnh thất. Rồi im lặng như tờ. Cô gái cất tiếng:

- Thầy thật cao thâm, vững như bàn thạch!

- Có phải đó là mục đích chính của cô khi ghé thăm
bồn tự?

-

- Im lặng, tức đã thú nhận.

-

- Cô mang một chút am hiểu giáo lý nhà Phật, một chút kiến thức cơ bản về sự Tĩnh Động, cố tâm cố ý vào chùa để thử thách cái Tâm Đạo của tăng ni giáo đồ. Sự cố ý làm cho người khác chao đảo tâm ý chính là ác tâm, chính là động rồi đó!

- Bạch thầy, quả đúng là con động. Nhưng đâu phải thấy người động mà mình phải động theo, phải vậy không thầy?

- Phải nhớ quanh cô đều là những chúng sanh đang tu, còn tu, chứ chưa có ai đắc đạo, chưa ai giải thoát được mình!

- Chỉ có thầy là tĩnh thôi sao?

- Vì đây là tịnh thất. Tâm người phải tĩnh, phải tịnh.

- Thầy không trách con về chuyện ăn mặc này thật sao?

- Không trách, mà còn khen. Áo quần chỉ là ngoại vật. Chúng vô tri vô giác, không tội tình gì. Chúng là vật ngoại thân, không là một bộ phận của thân thể con người...

- Và thân thể con người cũng chỉ là giả tạm...

- Chỉ là đất, nước, gió, lửa hội tụ tạo nên. Thân xác này còn là thứ bên ngoài, hướng chi là quần với áo, xiêm với y?

- Chỉ cái Tâm bên trong mới là quan trọng?

- Tĩnh động đều từ nơi ấy. Cho nên, nếu cô đã có gan ăn mặc hở hang thiếu thốn vải vóc để vào cửa thiền, thì hãy phát huy thêm bản lĩnh mà trút bỏ hết xiêm y giả tạm ra khỏi tấm thân giả tạm ngay nơi đây đi!

- Trút bỏ hết đi!

Sư trụ trì quát lên. Cô gái giật bản mình, vội quỳ mọp xuống, đầu dập đất mấy cái. Sư lại quát:

- Trút hết. Rồi đi ra ngoài, dạo một vòng văn cảnh mau đi!

- Bạch thầy... con không dám. Con không dám. Con xin dập đầu tạ tội. Đợi ơn thầy đã khai tâm điếu đạo!

... Anh huynh trưởng đứng chờ ngoài hành lang với ruột nóng gan sôi, cứ như đang đứng trên tổ kiến bò nhọt.

M A I

Một mai hoa rụng cuối mùa
Sương sa trắng cả cổng chùa quạnh hiu
Tôi xin cất bước cô liêu
Quầy theo một gánh mây chiều đơn côi.

P.C.T

Và rồi, cánh cửa tịnh thất đã mở toang. Cô gái lạ lòng đã bước ra ngoài với vẻ mặt rạng rỡ tươi vui. Lạ lòng hơn, trên người cô ta đang mặc một chiếc áo nhật bình của tăng chúng. Cô gái cười chào anh huynh trưởng, bước thoăn thoắt hướng về phía chánh điện. Anh huynh trưởng lè lưỡi, bước nhón chân lại khép cánh cửa tịnh thất thật nhẹ nhàng. Rồi anh chấp tay xá ba cái về phía bên trong cánh cửa vô tri, nói:

- Quả đúng là chỉ có thầy mới trị được quỷ sứ ma vương!

Anh ta thở phào nhẹ nhõm. Đầu năm vui thật. Thật là vui.

LỤC TỰ

DU TỬ LÊ

Lục tự cho buổi sáng
Thơm tho ly cà phê
Chim rớt hạt sau hè
Em, thời kinh phổ độ.

Trà cho từng góc đời
Phủ phê tàng quá khứ
Ngọn sân hận chưa nguôi
Cơn bão người đã tới.

Lục tự cho buổi trưa
Lên đèn từng cọng mì
Cánh bướm vừa quy y
Bông hoa chờ nhập thất
Em, đuổi theo xuân thì
Ta, đầu đường sám hối.

Lục tự cho nửa khuya
Nam mô A Di Đà
Phật từ bi tâm ta
Ta và tâm: xa lạ.

Nam mô A Di Đà
Phật và tâm, và ta
Ta và tâm, và Phật...

Lục tự cho buổi tối
Ngọn đèn thu bóng tôi



“Bởi vì chân nó còn buộc một sợi dây dài, nó mà đậu xuống cây nào, sợi dây sẽ cuốn ngay vào cành; thế là con chim sẽ bị cột chặt vào đó cho tới lúc chết. Sợi dây ấy chắc lắm. Chim nào mà kéo đứt nổi.”

Điều hâu và cây khô

AHAZAM ZARYAB

(Afghanistan)

Ở phố tôi, đã từ lâu có một cây khô, cách đó không xa là cửa hiệu nhỏ của ông thợ sửa giày. Hàng ngày, ông thường mở cửa hiệu rất sớm; và khi mặt trời lặn, ông đóng và khóa cửa bằng chiếc chìa khóa to tướng. Trong phố còn có hai gã vô công rồi nghề. Tôi không biết tại sao họ không có việc làm, nhưng suốt ngày họ tuyệt nhiên không làm gì khác, ngoài việc ngồi tán gẫu trong hiệu giày, cứ như họ là một phần đồ đạc trong cửa hiệu vậy. Một hôm đi ngang qua hiệu giày, tôi thấy ông chủ hiệu không được vui vẻ và nhanh nhẩu như mọi ngày, ông ngồi gục đầu, như chìm trong suy nghĩ. Hai gã rồi hơi nọ trông cũng buồn rầu, ngồi gục đầu ra dáng suy nghĩ. Tôi chột nghĩ, có lẽ họ đang bắt chước ông thợ giày trong cái dáng mà người ta gọi là “tọa thiền” ngu ngốc. Tôi nghĩ chắc xảy ra chuyện không hay, nên tới cửa hiệu và nói với ông thợ giày: “Có chuyện gì thế ông?”.

- Tôi hỏi, ông từ từ ngừng đầu nhìn tôi. Thường thì mắt ông ánh lên vẻ vui nhộn; nhưng lúc này tôi chỉ thấy

trong đôi mắt ấy thấp thoáng nỗi buồn âm lặng. Cả hai gã nọ cũng nhìn tôi với vẻ mặt ngây ngô: “Con điều hâu tôi thường nuôi bằng chim sẻ ấy, nó bay mất rồi”, ông ta nói. Nghe ông ta nói thế, lòng tôi tràn ngập niềm vui, “Làm sao nó bay mất?”

- Tôi hỏi, cảm thấy vui hơn khi nghĩ con chim đã được tự do. Chắc ông ta cũng thấy là tôi khoái chí, vì đột nhiên ông ta lại cười sảng sặc. Hai gã rồi mồm lập tức cười theo. Trong cách ông cười, có cái gì đó đầy thù hận, “sao ông lại cười?”, tôi hỏi.

- Bởi vì con điều hâu chết tiệt ấy chẳng mấy nổi sẽ chết – ông ta nói.

- Tại sao nó chết? – Tôi hỏi. “Vì chân nó còn buộc một sợi dây dài”, ông ta nói, và cái ánh nhìn tinh quái lại trở lại mắt ông:

- Nó mà đậu xuống cây nào, sợi dây sẽ cuốn ngay vào cành; thế là con chim sẽ bị cột chặt vào đó cho tới lúc chết – Ông ta lại cười sặc sụa và nói thêm: “Sợi dây ấy chắc lắm. Chim nào mà kéo đứt nổi?”. Nổi vui mừng trong tim tôi tắt ngấm. Lòng tôi đầy nỗi lo âu. Hai gã nọ cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu của ông thợ giày: “Dây ấy chắc lắm... Chim nào mà kéo đứt nổi... Chim nào mà kéo đứt nổi”.

- Nó đã bay đi, mang theo cái chết – Ông thợ giày nói

- Ông thật là độc ác – Tôi nói. Đôi mắt ông ta lại sáng

lên: “Tôi thường nuôi nó bằng chim sẻ còn sống, nó giết và ăn chúng một cách ngon lành. Giờ nó bay mất rồi. Tôi...”. Tôi bỏ đi, không đợi nghe hết câu ông nói. Những lời ông ta nói cứ vang mãi trong tai tôi: “Bởi vì chân nó còn buộc một sợi dây dài, nó mà đậu xuống cây nào, sợi dây sẽ cuốn ngay vào cành; thế là con chim sẽ bị cột chặt vào đó cho tới lúc chết. Sợi dây ấy chắc lắm. Chim nào mà kéo đứt nổi.”

Một đêm thật nặng nề, tôi không sao chợp mắt nổi. Màn đêm u ám đè nặng lên ngực. Qua cửa sổ, tôi thấy đường phố đã yên ngủ. Đêm tối chỉ đem đến phiền muộn mà thôi! Tôi lại cố nhắm mắt. Đầu đó trong tôi, một ý nghĩ cứ lớn dần. Tôi cố xem ý nghĩ đó là gì, nhưng dù tôi cố gắng tới đâu đi nữa, nó vẫn không định hình được. Một sức mạnh nào đó đang kìm giữ và che giấu nó, ý nghĩ ấy tiếp tục vật lộn để giải thoát. Đêm dần qua, người tôi hầm hập vì cơn sốt khó hiểu. Rồi đêm tối bắt đầu tan. Trong trạng thái nửa thức nửa ngủ, tôi bỗng thấy thế giới này đầy dây nhợ. Dây dài có, ngắn có. Cái phố tôi ở cũng chằng chịt dây nhợ. Dây to, dây nhỏ đủ cả. Có điều tất cả những dây ấy đều rất chắc, không thể đứt được. Đột nhiên tôi thấy mỗi sợi dây đều buộc vào chân một người. Chân ai cũng có dây buộc, chân tôi cũng vậy. Tôi tỉnh dậy, người run lẩy bẩy. Trời đã sáng. Tiếng người la hét từ phố vọng vào, Tôi ra ngoài thì trông thấy đám đông tụ tập dưới gốc cây khô gần hiệu sửa giày. Ông thợ giày đang khua tay múa chân, la hét âm ỉ. Thấy tôi,

ông nhún nhảy đến gần, hét tướng lên: “Thấy chưa? Tôi đã nói rồi mà”.

- Ông nói gì cơ? – Tôi hỏi.

- Thôi được, cứ đến đây. – Ông ta nói, túm lấy tay tôi, ông ta lôi đến chỗ cây khô, chỉ lên cây và bảo: “Đấy! Nhìn xem!”.

Con diều hâu đang bị treo trên cành, sợi dây ở chân nó cột chặt vào cành. Trên mặt đất đầy những sợi lông chim làm rụng trong cơn vật vã với cái chết. Nó đã chết cứng. Cái đầu rũ xuống, hai con mắt không còn sinh khí nhìn tôi trừng trừng. Tôi như nghe nó nói những lời cay đắng: “Đến đây đường cùng rồi”.

- Thấy chưa. – Ông thợ giày nói. – Tôi chẳng bảo cậu rồi nó sẽ chết ư?

Đám đông tiếp tục hò hét, chỉ trỏ con chim đã chết. Mắt họ sáng lên niềm vui thỏa mãn và ngu ngốc. Tôi nghĩ chắc họ đắc chí lắm.

“Hay quá, con chim chứ không phải mình chết treo ở đó”. Tôi nhìn xuống chân họ, tất cả đều có dây buộc, những sợi dây rất chắc. Ông thợ giày chân cũng có dây. Những sợi dây được tạo bởi những mắc xích tròn, mỗi mắc xích là một từ. Từ đó là “Vị kỷ”. Tôi cười phá lên.

- Sao cậu cười? – Họ hỏi tôi. Thay vì trả lời họ, tôi càng cười lâu hơn, cho đến khi tiếng cười của tôi dường như tràn ngập đường phố.

- Sao cậu cười? – Ông thợ giày hét lên, giọng bức tức.

- Tất cả chân của các ông đều bị buộc dây. – Tôi trả lời. Họ sợ hãi nhìn xuống chân, rồi hỏi: “Đâu, có sợi dây nào đâu”. Nhưng tôi không trả lời. Tôi nhìn xuống chân mình, nó cũng bị buộc một sợi dây, mà mỗi mắc xích là một tù:

“Vị kỷ”

“Vị kỷ”

“Vị kỷ”

Thì ra ý nghĩa bị cầm tù trong tiềm thức của tôi cuối cùng rồi cũng thoát ra được và bộc lộ mình. Cái thế giới này đột nhiên trở nên buồn cười, và thế là tôi lại rũ ra cười. Rồi thì tất cả chúng tôi đều đang bị treo trên cái cây khô ấy, chân mỗi người bị cột chặt vào cành. Ông thợ giày bị treo ngay cạnh tôi, mặt giáp mặt, một khuôn mặt buồn rầu như đang nói: “Đến đây là đường cùng rồi!”. Hai gã vô công rồi nghề cũng đang bị treo lơ lửng gần đó, hai khuôn mặt mang vẻ buồn rầu tương tự, một sự bất chước ngu xuẩn. Tôi chợt nhìn thấy con chim đang bị treo trên một cành cây khác: “Tại sao nó lại quay về nhỉ?”. Tôi tự hỏi, nhưng rồi tôi nhìn thấy một sợi dây thứ hai buộc ở chân của nó. Sợi dây này kéo dài tới tận cửa hiệu sửa giày. Và, sợi dây được làm bằng những con chim sẽ còn sống!

Trích “**Truyện ngắn châu Á**”

TĨNH THẤT

THÍCH TUỆ SĨ

1.

Cho tôi một hạt muối tiêu
Bờ môi em nhạt nắng chiều lân la
Tôi đi chấn chình sơn hà
Hồng rơi vách đá mù sa thị thành

2.

Đến đi vó ngựa mơ hồ
Dấu rêu còn đọng trên bờ mi xanh

3.

Nghìn năm trước lên núi
Nghìn năm sau xuống lầu
Hạt cải tròn con mắt
Dấu chân người ở đâu?

4.

Ta không buồn, có ai buồn hơn nữa?
Người không đi, sông núi có buồn đi?
Tia nắng mỏng soi mòn khung cửa
Đề ưu phiền nhuộm trắng hàng mi.
Ta lên bờ, nắng vỗ bờ róc rách
Gió ở đâu mà sông núi thì thăm?
Kìa bóng cỏ nghiêng mình che hạt cát
Ráng chiều xa, ai thấy mộ sương dầm?



Ác khẩu và quả báo

TUỆ DUNG

Ngày xưa trong thành Xá Vệ có một người nhà rất giàu, tên gọi là Sư Chất, đã hơn 40 tuổi rồi mà chưa có con. Hai vợ chồng rất lo lắng, đến nhà Bà La Môn



xin bốc một quẻ bói xem sau này có sinh được đứa con trai hay con gái nào không? Nhưng họ vô cùng thất vọng nghe thầy bói trả lời rằng suốt đời họ sẽ không có con.

Sư Chất nghe thế không chịu tin, lại đi tìm một ông thầy tướng số khác, cao tay ấn hơn, nhiều kinh nghiệm hơn xin bốc quẻ. Lạ thay, vị thầy tướng này vốn được mọi người tôn kính và khen ngợi là bói linh như thần, lại cũng làm cho Sư Chất thất vọng.

Sư Chất đi về mà lòng phiền muộn, bỗng sực nhớ đến bậc đại thánh Thích Ca Mâu Ni, tự nghĩ:

- Đức Phật là giáo chủ của trời và người, là bậc Nhất thiết trí, không có gì là Ngài không biết, không có gì là Ngài không hiểu, tại sao ta lại không đến gặp Ngài xin chỉ giáo?

Nghĩ đến đây ông bèn nhắm hướng Kỳ Viên tinh xá

mà đi. Cung kính đánh lễ Đức Phật xong, ông chấp tay bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn đại bi, xin Ngài thương xót chúng sinh ngu si mà chỉ giáo: con có chút ưu tư, năm nay đã hơn 40 mà chưa có đứa con trai nối dõi, đó là do nhân duyên gì, cúi xin Đức Phật khai thị.

Đức Phật trả lời:

- Không lâu nữa ông sẽ có một đứa con trai, vừa có phúc lại vừa có đức, chỉ có điều là khi nó vừa lớn nó sẽ xin xuất gia.

Nghe tin này Sư Chất rất đổi vui mừng, thành tâm đánh lễ chân Phật, rồi thỉnh cầu:

- Cầu xin Thế Tôn và chư tăng cho phép chúng con được cúng dường vào trưa mai, để chúng con được kết thêm thiện duyên và trồng chủng tử vào ruộng phước của Như Lai.

Đức Phật nhận lời rồi, Sư Chất hoan hỉ quay về chuẩn bị đàn trai. Hôm sau ông dẫn đầu gia nhân, chân thành cúng dường những món ăn thức uống ngon lành đẹp mắt nhất.

Đức Phật nhận cúng dường xong, thuyết một thời pháp rồi dẫn đầu tăng chúng quay về tịnh xá. Đi được nửa đường, Đức Phật và tăng chúng ngồi dưới một gốc cây bên bờ sông nghỉ ngơi. Bỗng từ trên cây, một con khỉ nhảy xuống xin mượn bình bát của Đức Phật. Nó ôm bình bát chạy đi thật xa rồi quay về, trong bình bát chứa đầy mật ngọt. Nó dùng

hai tay kính cẩn dâng bình bát lên Đức Phật, Ngài nhận lấy và chia cho chư tăng dùng để con khi được nhiều phúc đức. Con khi thấy thế mừng rỡ nhảy nhót.

Không lâu sau nó đến ngày tận số, đầu thai làm người, sinh vào nhà của Sư Chất.

Lúc nó sinh ra, trong nhà phàm có vật dụng gì có thể chứa đựng thức ăn, thì vật dụng ấy bỗng đầy ắp mật và đường. Vợ chồng Sư Chất thấy điều quái dị, bèn do nhân duyên này đặt tên con là Mật Thắng.

Thời gian vùn vụt trôi mau như tên bắn, hơn mười năm trôi qua như trong nháy mắt, Mật Thắng nay đã lớn khôn. Chú bé chán ngán chuyện thế tục, xin phép cha mẹ cho mình được xuất gia, cha mẹ hết sức vui mừng mà trả lời:

- Lúc con chưa ra đời, Đức Phật đã biết sẽ có ngày hôm nay. Bây giờ con muốn xuất gia, cha mẹ rất hoan hỉ. Không bao giờ cha mẹ ngăn chận con một cách vô lý.

Được cha mẹ hoan hỉ cho phép rồi, Mật Thắng đến Kỳ Viên tinh xá xin xuất gia với Đức Phật. Nhờ có tiền duyên, Mật Thắng chứng quả rất mau.

Một hôm, thầy đang trên đường đi độ hóa với các bạn đồng tu, cảm thấy vừa nóng vừa khát lạ thường, ai nấy đều ao ước có một cái gì uống. Tỳ kheo Mật Thắng bèn cầm bát tung lên trời rồi sau đó dùng hai tay tiếp lấy bát trở về. Bấy giờ trong bát đựng đầy mật ngọt, Mật Thắng bèn chia cho

chúng tăng giải khát.

Về tới tinh xá, một vị tỳ kheo đi tìm Đức Phật xin thỉnh giáo:

- Trong quá khứ tỳ kheo Mật Thắng đã tu được phúc đức gì mà bây giờ bất cứ lúc nào, ở đâu cũng có thể có đường và mật?

Đức Phật trả lời:

- Các ông có nhớ có một lần lâu lắm rồi, có một con khỉ đem mật ngọt đến cúng dường Như Lai và chúng tăng không? Nhờ bố thí với thiện tâm, chết rồi nó được sinh ra làm người và nhờ nó chân thành cúng mật ngọt cho Phật nên kiếp này nó có thể được mật bất cứ lúc nào và ở đâu.

Đức Phật nói xong, vị tỳ kheo nọ hỏi tiếp:

- Bạch Thế Tôn! Thế thì tiền kiếp Mật Thắng do nhân duyên gì mà bị đọa xuống làm khỉ?

Lúc ấy xung quanh Đức Phật có rất nhiều đệ tử vân tập, Ngài nhìn họ một lúc rồi đáp:

- Thầy ấy bị đọa xuống làm khỉ là do một nhân duyên xảy ra cách đây 500 kiếp trước, thời Ca Diếp Như Lai còn tại thế. Lúc đó có một vị tỳ kheo trẻ tuổi, tình cờ thấy một vị tỳ kheo khác đang băng qua một con suối nhỏ, vị trẻ tuổi bèn cười chế nhạo, bảo là dáng điệu của vị tỳ kheo kia giống hệt như con khỉ. Vị tỳ kheo trẻ tuổi đã phạm tội ác khẩu nên bị đọa xuống làm khỉ, nhưng sau đó thầy ấy biết lỗi lầm của mình, đến xin sám hối với vị tỳ kheo mà mình

BỆNH

Thân già hiu hắt sớm chiều
Một mình lặng lẽ hắt hiu tuổi đời
Sớm chiều nhìn thảng ngày qua
Hắt hiu bóng đổ chiều tà tà rơi
Tà rơi hương quyện mây trời
Chiều xưa ở lại nhìn đời quạnh hiu.

NAM CHU

đã chế nhạo. Nhờ thắng duyên ấy mà kiếp này mới được gặp Phật và được Phật độ, chứng quả A La Hán một cách mau chóng.

Nghe đức Phật giảng xong, các vị tỳ kheo đều nhận ra rằng một câu nói ác cũng có thể chiêu cảm nghiệp khổ, vì thế không còn ai dám ác khẩu, ngay cả đến một câu nói đùa cũng không dám nói.

NÓI VỚI BẠN BÈ

ĐỖ DUY NGỌC

Rồi chúng ta cũng sẽ về với đất
Tranh giành chi chuyện tốt xấu hơn thua
Hồn lưu lạc cốt xương rồi sẽ mất
Nhựa còn đâu khi lá đã sang mùa?

Rồi có lúc chúng ta cùng ngồi lại
Nhìn rõ nhau để nhớ buổi thiếu thời
Hãy làm sao ánh nhìn không e ngại
Cầm tay nhau và lòng rất thành thoi.

Rồi có lúc chúng ta buồn vái lạy
Đốt nhang trầm khóc bạn hữu ra đi
Rơi nước mắt lúc xe tang sắp chạy
Sao giờ đây đối xử chẳng ra gì!

Rồi có lúc ta trở về cát bụi
Nắm tro tàn cô lẻ giữa trần gian
Sao lại vẫn hao tâm ngồi cặm cụi
Viết những lời khiến bằng hữu tan hoang.

Rồi tất cả chỉ vòng quay trống rỗng
Đến rồi đi quy luật của muôn đời
Sao không sống với những lời thơ mộng
Đề cuối đời không tiếc cuộc rong chơi.

Một ngày về Vĩnh Xương

NGUYỄN VĂN KỶ

Tôi về Vĩnh Xương đã mấy lần, lần nào cũng có nhiều cảm xúc dạt dào. Lần này cũng vậy, có lẽ trong tôi mang theo nhiều thứ tình cảm khó tả.

Đứng kia bờ sông Tiền, từ Hồng Ngự nhìn qua Tân Châu cảnh trời nước thật mênh mông. Mùa này nước không lớn nhưng màu phù sa đục đỏ tràn vô, nó bồi đắp cho ruộng vườn thêm tươi tốt. Mới đi Vĩnh Xương lần đầu nên ông Tám nóng lòng tới nơi lắm!

- Khoảng mấy giờ tới nơi vậy, Bảy?

- Dạ, chừng 11 giờ hơn đó chú, mình đi sớm mà, tôi trả lời.

- Bảy qua đó mấy lần rồi, chắc biết nhiều chuyện phải không, kỳ này ở lại con nhớ ghi chép cho tỏ tường. Thiệt tình thì chú nói chuyện với mấy đứa ở bên hoài mà giờ chú mới có dịp đi với bảy qua đó. Trên phà, ông Tám vừa ngắm cảnh sông nước mênh mông vừa huyền thuyên đủ thứ chuyện với tôi.

Tân Châu là thị xã mới đường sá thì nhỏ hẹp, cuộc sống cũng khá êm ả, dân cư tương đối đông đúc, phố xá mới mẻ. Vòng qua vài con đường chúng tôi lại leo lên con phà nhỏ Tân An qua Vĩnh Xương. Đi về miền sông nước cứ

lên phà xuống bắc kiểu này cũng mệt thiệt. Đi càng nhiều tôi càng khoái, chỉ tội ông già Tám cứ lệ kê trông hơi vất vả một chút! Châm điều thuốc phi phà, ông Tám chép miệng: Sắp tới chưa bây? Dạ chừng 20 phút nữa chú, tôi cười động viên ông cụ.

Năm nay, tôi về Vĩnh Xương vừa thấp nén nhang dịp giỗ ông Bảy, vừa tìm hiểu thêm về lịch sử, văn hóa vùng đất này; vùng đất có đông đảo tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương làm ăn sinh sống. Xe vừa tới chỗ, mọi người mừng rỡ đón tôi và ông Tám. Nhiều người chưa hề gặp ông Tám lần nào, chỉ biết qua điện thoại và lời kể nhưng ai cũng trông được gặp mặt. Tôi đỡ ông Tám leo lên cầu thang vào cái nhà sàn. Hai cậu thanh niên Phương, Trung mừng ra mặt, đưa thìa bung đồ đặc xếp gọn gàng, đưa đi pha trà, trải chiếu mời khách ngồi nghỉ. Quên đi cái mệt sau quãng đường dài hơn 300 cây số, ông già Tám hỏi thăm đủ thứ từ chuyện gia đình, làm ăn cả chuyện tộc họ, chuyện làng chuyện xã mà chị Hai đã xắn tay áo lo lắng mấy năm qua từ khi ông Bảy mất.

Bữa cơm trưa dọn ra, đói quá nên tôi ăn liền mấy chén, ông Tám ăn bữa trưa ngon lành không kém. Thấy cả nhà vui quá, ông Tám họa luôn một mớ chuyện. Dù không bà con thân thích nhưng vì cái tình huynh đệ đồng đạo mà ông Tám cố gắng qua đây. Cả nhà cùng nhau quây quần trò chuyện thật đầm ấm như anh em lâu ngày gặp lại.

- Cậu nói thiệt nghen, mợ bay bình mấy năm nay, cậu cố gắng lắm mới đi tới đây. Thấy nhà mình chu đáo cậu mừng lắm.!

- Chị Hai thì vui khỏi nói: Tui con trông cậu Tám mấy năm nay, kỳ này đám giỗ ông cậu con mà cậu Tám về đây thì nhà con quý quá.

- Thiệt tình thì cậu coi anh em ở đây như người trong nhà lâu rồi, ngặt nổi đi không được vì nhà đơn chiếc. Thấy anh em ở đây thương yêu dùm bọc cậu thấy thỏa dạ rồi. Niềm vui tiếp niềm vui, ông hét khen lại động viên anh em con cháu ông Bảy.

Năm nay là kỳ giỗ đầu của ông Bảy (*) nên cả nhà chuẩn bị đón tiếp khá chu đáo. Bà con xa gần, đồng đạo kính trọng ông Bảy từ nhiều nơi cũng tề tựu đông đúc. Mọi người không ai bảo mà chung tay sắp xếp mọi việc, chuyện bếp núc đã có mấy bà mấy chị; đàn ông thì có việc gì phụ việc đó. Nghỉ trưa một lát, tắm rửa sạch sẽ Trung đưa ông Tám và tôi đi một vòng thăm viếng xóm làng, chùa chiền nơi đây.

Chùa Bửu Sơn Kỳ Hương là di tích lịch sử của tỉnh An Giang gần căn cứ Bung Ven nối liền căn cứ B1 với Giồng Trà Dên, là giao điểm giữa Trung ương và địa phương thuộc đồng bằng miền biên giới, giữa Khu 8 và khu 9. Nơi đây là căn cứ cách mạng, năm 1961- 1962 từng đón bà Nguyễn Thị Định và ông Lê Đức Anh về thăm trước khi vào căn cứ

Bảy Núi. Chiến tranh biên giới Tây Nam năm 1978 - 1979, bị Khmer đỏ tàn phá, chùa chiền làng mạc bị thiêu rụi. Rồi bà con lại chung tay xây dựng nên bây giờ khung trang sạch đẹp như thế này. Đứng trên con đường vành đai biên giới nhìn sang Cambodia, bạt ngàn là lúa xen lẫn với cây cối xanh tươi. Từ Vĩnh Xương lội bộ qua cửa khẩu vào một cái chợ nhỏ thuộc tỉnh Kandal của Campuchia để mua một ít đồ về dùng cũng thấy hay hay.

Chùa Bửu Sơn Kỳ Hương là di tích lịch cách mạng được công nhận năm 2001 lại là nơi thờ Phật Thầy Tây An, địa chỉ sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo trong vùng. Có lẽ đây là nơi duy nhất hiện nay ở An Giang được tổ chức sinh hoạt tín ngưỡng của hệ phái Bửu Sơn Kỳ Hương. Vĩnh Xương là xã biên giới, nhưng đời sống nhân dân khá ổn định, an ninh trật tự khá tốt, người nông dân thật thà chất phác, lòng mến khách thật dạt dào. Nét chân chất, nền nếp được gìn giữ từ cụ già cho đến các cô bé cậu bé còn tí xíu. Đi lễ chùa người lớn trẻ con đều mặc đồ đen đậm chất văn hóa vùng quê Nam bộ. Không được ở lâu nhưng tôi cảm âm áp mỗi lần về đây.

Ông Tám (***) đi từng chỗ, hỏi từng chuyện, rồi lại chỉ chỉ nhắc nhở anh em Trung, Phương các việc phải sửa sang gìn giữ để bảo tồn nền nếp đạo đức trong gia đình cũng như động viên bà con tín đồ yêu thương đoàn kết với nhau, phát huy những điều mà họ đã một lòng theo con đường ông

Bảy diu đất.

Thấp nén cho ông Bảy, tôi và ông Tám đều cầu nguyện cho quốc thái dân an, nhà nhà no ấm, mọi người phải làm lành lánh dữ, giúp đỡ bảo bọc nhau. Cầu cho ông Bảy phò hộ cho những người kế tục ông gìn giữ và phát huy những điều tốt đẹp ông đã làm cho quê hương Vĩnh Xương và Tân Châu này trong kháng chiến chống ngoại xâm cũng như trong công cuộc xây dựng quê hương hôm nay.

Nghe nhiều chuyện về ông Bảy, tôi mới thấy được hình ảnh của ông là biểu tượng cho nét đẹp về văn hóa độ đức của một lãnh đạo tinh thần với niềm tin tín ngưỡng chân chính; một dân người Nam bộ sống chan hòa, mẫu mực vì mọi người, vì quê hương đất nước.

Một ngày về Vĩnh Xương, một vùng quê biên giới của tỉnh An Giang thật nhiều điều thú vị về tình đất tình người, tình yêu quê hương và được sống trong tình cảm quý mến của những dân miền Tây Nam bộ chất phác thật thà, mến khách và giàu tình cảm thương yêu

(*) Ông Bảy tức ông Trần Văn Soái lãnh đạo tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương tại xã Vĩnh Xương thị xã Tân Châu tỉnh An Giang, ông mất vào ngày 22 tháng 6 năm Tân Mão (2011).

(**) Ông Tám tức ông Lê Văn Tào – Phó ban trị sự Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tại Bà Rịa Vũng Tàu.

LÊN NÚI TÀ CÚ

NGUYỄN CHÂU ĐỨC

Bồng bênh lên ngắm cảnh thiên thai
Bóng núi ru êm, gió đọi hoài
Non nước hữu tình tâm thanh thản
Hồn lâng lâng giữa chốn bồng lai.

Nhẹ gót chạm vào chín tầng mây
Thân tâm thoát khỏi kiếp khổ đày
Chuông nguyện hương trầm xa hư ảo
Đường lên cõi Phật hạnh ngộ thay.

Xa rời trần tục chẳng bon chen
Thiền tâm thanh tịnh hết ưu phiền
Róc rách nhẹ nhàng theo con nước
Ta về nơi ấy chốn bình yên.

Cõi Phật đến rồi thoát buồn vui
Hư không phiêu lạc giữa cảnh mây trôi
Bình thản lắng mình trong thiền định
Chuông ngân tâm nguyện giữa ngàn khơi.

(Núi Tà Cú – Huyện Hàm Thuận Nam

– Bình Thuận)

PHẬT PHÁP VẤN ĐÁP

THÍCH GIÁC QUANG

VẤN

Theo luật nhân quả, đời này anh A làm hại anh B thì đời thứ hai, anh B sẽ tìm đến anh A đòi nợ. Vậy là 1 - 1. Như vậy anh B có mang tội hay không ? Rồi đời thứ ba anh A có “thanh toán” lại anh B nữa không?

ĐÁP

Nhân quả là gì? Nhân là nguyên nhân, quả là kết quả, nguyên nhân gây thế nào, kết quả ra thế ấy. Người xưa đã bảo: *“Muốn làm việc gì, trước phải bình tĩnh nghĩ đến kết quả về sau của nó”*. Nếu mỗi Phật tử biết lấy câu này làm điều tâm niệm, tất sẽ tránh được nhiều lỗi lầm thất bại trên đường đạo cũng như đường đời. Một vị thiền sư cũng khuyên dạy: *“Xem hết kinh Di Đà. Tụng xong chú Đại Bi. Trông dưa thì được dưa. Trông đậu lại được đậu. Kinh chú vẫn quý lành. Kết oán làm sao cứu? Soi lại lòng bàn lai. Người tạo người phải chịu. Mình làm mình thọ quả”*.

Quả báo có: Hiện báo, Sanh báo, Hậu báo, Định báo, Bất định báo, Cộng báo, Biệt báo, Cận tử báo, Thục vị thục báo, Chuyển báo, Thế gian báo, Xuất thế gian báo. Ở đây xin nói 3 quả báo cơ bản, mà chúng ta thường lãnh chịu:

1. Hiện báo: Có nghĩa hiện thế gây nhân thì hiện

đòi chịu quả.

2. **Sanh báo:** Sanh báo là gây nhân kiếp này, đòi kể sau mới chịu quả báo.

3. **Hậu báo:** Đây là nói sự gây nhân trong đời này, đến ba, bốn, trăm, ngàn hay vô lượng kiếp sau mới thọ quả báo.

Trong kinh *Nhân Quả Nghiệp Báo* có bài kệ: “*Giả sử trăm ngàn kiếp. Nghiệp đã tạo không mất. Khi nhân duyên gặp nhau, lại tự chịu quả báo*”.

Kinh *Nhân Quả Nghiệp Báo*, kinh *Địa Tạng* thuộc về luân lý đạo đức học, Phật tử chúng ta thấy gần như là một bộ luật chuẩn mực nhất trong đời sống hằng ngày. Hành trình từ nhân đến quả, chỉ có đức Phật, các đệ tử Thánh Tăng, những nhà học Phật có đẳng cấp mới thấy xuyên suốt quá trình nhân quả của chúng sanh và giúp chúng sanh tránh xa các điều ác, làm các việc lành để thoát khỏi luân hồi quả báo và góp phần làm trong sạch hóa môi trường sống chung trong xã hội loài người.

Tại Việt Nam xưa nay, không luận trong hay ngoài đạo Phật, lúc nào mọi người cũng cổ xúy luân lý “*làm lành gặp lành, làm ác gặp ác*”, hay ứng dụng lời Phật dạy: “*Không làm các điều ác, siêng làm các việc lành, từ bi cứu vớt người khổ*”. Vậy mà cũng không đủ lực để ngừa hoặc ngăn chặn người phạm pháp.

Theo các bạn hỏi, thì gọi là luân hồi nhân quả:

Mặc thời đại bão giông trời biển động
Ta vẫn ngồi thả khói thuốc trắng bay.
Bữa gặp nhau đâu chỉ là ăn uống
Gương mặt bạn bè rạn rở phút giây.

Rồi mai xa! Xứ sở nào ca hát
Bạn yêu ơi! Và năm tháng đẹp thơ ơi!
Cầm tuổi trẻ rong chơi ngày tóc bạc
Mỗi sớm mai ta đi hái mặt trời!

(Trích OK! CAFÉ SÁNG! - Trần Thoại Nguyên)

Anh A làm hại anh B, thì anh A phải bị hại và ngược lại. Anh A giết anh B, thì tòa án xử tử hình anh A và ngược lại, làm ác gặp ác đó là nhân quả tất yếu. Nghiệp nhân “sát” thì nghiệp quả cũng bị “sát”, không sai sót, nên Khổng Tử nói: “thiên võng khôì khôì, sơ nhi bất lậu”.

A và B trả vay như thế trở thành nghiệp lực, tức là sức mạnh của nhân quả, luôn trôi lăn trong sáu nẻo sanh tử luân hồi không lúc nào ngừng nghỉ, Phật tử chúng ta thường nghiên cứu trong kinh Địa Tạng gọi là “luân hồi quả báo”.

Muốn chấm dứt luân hồi quả báo như A và B trên, thì không khởi tâm tạo nghiệp và hành động ác.

AI NGƯỜI CHỜ ĐỢI

LÊ THỊ KIM

Đã lâu rồi

Không gặp

Giờ

Bỗng chợt nhớ nhau

Đôi mắt vườn ngâu ấy

Theo sương về nơi đâu

...

Ta

Thu vàng mãi mãi

Cho người

Nổi đời xanh

Ta

Đông gầy héo úa

Cho người

Hạ ấm vui

Mùa xuân - Mùa đón đợi

Ta ...

Biết chờ ai đây...

Lúa Hát

VÕ THỊ XUÂN HÀ

Cô bước ra khỏi bóng tối của ngôi nhà. Những giọt sương đọng trên mái gianh phản chiếu thứ ánh sáng thăm thẳm của trăng thu.

“Nhớ mua diêm và muối đây”.

Tiếng người chồng ngái ngủ văng ra từ căn buồng chật hẹp. Cô đáp lại chồng âu yếm:

“Vâng, em nhớ rồi”.

Cô kéo chiếc chăn trùm kín hai tai và cuộn tròn những đồng tiền nhét sâu vào ngực áo. Từ đây lên thành phố phải đi bộ mất hai cây, sau đó vẫy xe ở đường cái. Có tiếng nhạc phát ra từ đâu đó, trong những căn nhà phía đồi xa, nhưng cô vẫn nhận ra khúc nhạc quen thuộc dạo còn chưa đi lấy chồng (lấy chồng rồi thì lãng quên mất, nhưng giờ đây cô bỗng hình dung ra cả những ngón tay của người con trai đã gảy nhạc điệu ấy).

Anh sẽ tiễn em đi qua khỏi bờ sông này và trùm khăn cho em ấm lại...

Cô xòe bàn tay dưới ánh trăng nhợt nhạt. Bàn tay to xù rung trong bóng đêm. Hai bên đường, những dải lúa nhấp nháng sáng. Gió bốc lên từ cánh đồng mang theo mùi

bùn đất nóng nần.

“Nhưng cô không phải là người vùng này”.

Người lái xe nhìn cô nhận xét. Chiếc xe tải nặng nề từ từ chuyển bánh.

“Tôi làm dâu”. Cô đáp.

“Tôi biết nổi vất vả của cô”.

“Thật là kỳ - cô nghĩ - anh ta tự cho mình cái quyền đó. Mà cuối cùng thì anh ta là ai nhỉ?”

Cô bặm môi im lặng.

“Ở chỗ tôi người ta không thấy vất vả”.

Cô cảm thấy nụ cười trầm đục của người đàn ông xa lạ. Cô xoay người một cách nóng nảy và liếc nhìn người lái xe qua tấm gương.

“Nhà tôi hết muối ăn. Cả lúa cũng cần muối...”

Cô cảm thấy mình thật vô duyên. Nhưng cô vẫn bật cười.

“Muối... hay thật đấy”

Người lái xe lầm nhảm. Không thể nhìn rõ gương mặt anh ta. Chỉ có hai cánh tay cứ xoay đi xoay lại như hai càng cua. Phía xa ngôi sao mai nhấp nháy rồi mờ dần. Thành phố đã ở trước mặt. Những chiếc xe lao vun vút qua để lại trong không gian mùi xăng khét lẹt, đặc quánh. Những người đàn bà gồng gánh tất tả. Những chiếc xe xích lô cọ bánh rìn rít ven đường. Có thể nghe thấy tất cả âm thanh buổi sáng của thành phố...

“Ở làng tôi có tục rước muối vào đầu vụ lúa. Chọn 9 thiếu nữ bê 9 lọ muối đi vòng quanh đồng, sau đó dâng lên đình làng. Chúng tôi đốt một đồng lửa trước sân đình rồi rắc muối vào lửa. Tôi cũng rắc một ít vào bếp, lấy gio bón ruộng. Lúa xanh và thơm lừng...”.

“Chuyện của cô cứ như cổ tích vậy”

Cô đỏ mặt.

“Tôi kể có ra gì... Mà cũng không có chuyện để kể nữa. Thằng cu Lim nhà tôi cứ bắt kể chuyện ngày xưa nó mới chịu ngủ. Tôi bí quá. Mỗi lần ra đồng về là tôi ngồi nghỉ ở bụi tre gần lớp học nghe cô giáo kể chuyện. Nhiều chuyện hay đáo để. Ngày chưa đi lấy chồng, tôi cũng ham đi sinh hoạt thanh niên. Bây giờ thì suốt ngày mải mê với lúa...”.

Những tia nắng đầu tiên bắt đầu le lói trên bầu trời. Gương mặt gỗ ghè khắc khổ của người lái xe hiện rõ trong ánh rạng đông. Cô im bật và cảm thấy lúng túng. Thực ra bóng tối làm cô tự tin hơn. Cô lấy tay vuốt vuốt mái tóc xòa xuống ngang trán.

“Cô kể tiếp đi...”

Người lái xe nhắc.

“Chồng cô... chẳng hạn”

“Ôi, chồng tôi thì có gì mà kể? Suốt ngày đánh trâu ra đồng. Còn tối đến thì cánh đàn ông tụ tập hút thuốc vè với nốc rượu. Lúc anh ấy tức lên thì cũng rút rào cho tôi với

thằng cu Lim một trận tím người. Nhưng anh ấy tốt lắm cơ. Chẳng bao giờ bỏ tôi đi với người khác... Đàn ông các anh bây giờ...”.

Cô nghe thấy tiếng thở dài nơi lồng ngực người đàn ông. Mặc dù tiếng máy xe làm hai tai điếc đặc.

“Tôi cũng không bao giờ bỏ...”

“Nhưng anh cho tôi xuống đây nhé”. Cô vội đập tay vào người lái xe. “Tôi phải vào chùa đã”.

Chiếc xe phanh lại. Người lái xe nhảy xuống mở cửa và giơ tay đỡ cô xuống. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, bỗng dung như có một sợi dây vô hình rung trong trái tim người đàn bà. Một cái chạm tay đơn giản giữa đường. Cô ngượng nghịu giấu bàn tay xù xì của mình sau chiếc túi bao tải.

“Thôi cảm ơn anh nhé”

“Khoan đã, cô vào chùa thì thấp giúp tôi một nén hương”.

Anh nhảy lên xe và lái xuống một cái túi. Anh rũ ngược nó xuống lề cỏ và lục tìm.

“Tôi còn chưa trả tiền xe cơ mà”. Cô chìa đồng tiền nhàu nát ra trước mặt anh. Anh lắc đầu và lôi ra một chiếc bật lửa được gói trong một chiếc khăn mùi xoa.

“Cô cầm bật lửa mà vào chùa”.

Suýt nữa cô phá lên cười. Nhưng chiếc bật lửa lấp lánh sáng trong bàn tay run run của người đàn ông khiến cô

im bật. Có cái gì đó hết sức cô đơn và buồn thảm trong lồng ngực người đàn ông xa lạ.

“Không cần đâu. Tôi sẽ xin lửa của nhà chùa”.

Cô xoa tay.

“Nhưng chiếc bật lửa này... tôi không cần đến nó nữa. Tôi tặng cô đây...”

Anh ta mở cửa xe và chiếc xe rú ga chuyển bánh. Chỉ một lát, nó đã biến mất sau làn khói và dòng người dòng xe trên phố.

Cô bước vào chùa. Trong tay nải cô đã chuẩn bị sẵn mọi thứ. Khách thập phương cũng đã lác đác vào chùa. Những đốm hương lập lòe phả khói trong những am thờ. Cô xoay chiếc bật lửa trong tay và xòe lửa. Ngọn lửa nhỏ xíu chập chờn bắt vào bó hương.

- “A di đà Phật. Nhà chùa thỉnh khách thập phương dụi bớt nhang cho. Xin quý vị hảo tâm đặt tiền vào hòm công đức”.

- “Lạy đức Phật từ bi, con đầu xanh tuổi trẻ, thấp nén nhang này lạy ngài phù hộ độ trì cho chúng con là...”.

Cô cúi lạy thành kính và bỏ vào hòm công đức một đồng tiền lẻ. Xong đâu đó cô bật lửa châm tiếp ba nén hương nữa.

Cô lẩm nhẩm lung tung. Lòng thầm nghĩ đến đứa con trai đang tha thân chơi trên hè đất.

“Con trai con còn dại lắm. Vắng con một ngày là nó

bắn như ma bùn. Lúa nhà con đang thời kì làm cỏ. Cỏ làm xước hết tay con. Người thành phố tay sao mà nỡn nà thế, họ còn bày những cái máy giặt đầy đường. Nhà quê chúng con thì... Ngày xưa chưa đi lấy chồng con cũng được mẹ con cho đi chơi trên này và may cho con một cái áo dài. Nhưng đến lúc cưới thì con lại không được mặc”.

Cô mỉm cười khi nghĩ đến người mẹ.

“Mẹ con là người đàn bà hiền lành, suốt ngày bị cha con chửi. Thịnh thoảng ông túm tóc mẹ quật xuống đất. Chúng con khóc xin cha tha cho mẹ nhưng ông không tha. Ông bảo giống đàn bà chúng con là lũ hư hỏng và bẩn thỉu. Lúc đó Phật ở đâu hở Phật?

Mới hôm vừa rồi chồng con mang hết tiền đi gá bạc. Con khóc thì hắn cũng khóc. Tại sao lại thế hở Phật? Đáng lẽ con không nên khóc mới phải, con không chịu được nước mắt của chồng. Ngày xưa mẹ con dạy đàn bà không được khóc, đàn bà là linh hồn của con cái. Đàn bà phải luôn mỉm cười...”.

Cô cúi xuống lén lau giọt nước mắt lăn trên gò má. Đôi gò má lẽ ra thắm đỏ thì nay sạm vì mưa nắng trên đồng lúa.

“Nếu Phật gặp cha mẹ con ở đâu đó thì hẳn họ cho con là con nhớ hai người lắm. Và hẳn là con bây giờ đã biết làm đủ thứ, con biết nghe lúa thò, chúng còn hát nữa. Đôi khi con vỗ về chúng, thế là chúng xanh mượt. Con biết

ném vị của đất, con yêu mảnh đất của con. Lúc rồi thì con nặn bi cho thằng Lim chơi. Nhưng thằng Lim rồi thì cũng giống như cha nó thôi, hôm nọ nó núp ở bờ rào xem con Sâm tắm. Xin đức Phật từ bi sửa lỗi cho nó”.

“Ôi, suýt nữa thì con quên. Có người nhờ con thắp hộ anh ta một nén hương dâng Phật...”.

*

Đến chiều cô từ thành phố trở về nhà với một túi hàng nặng. Đi qua cánh đồng làng, gặp những người đang làm cỏ, cô dừng lại khoe với họ đủ thứ mua được từ thành phố.

“Nhanh lên mà làm cỏ, lúa nhà mày năm nay mướt quá cũng không hay đâu”

“Các bác đừng có ghen với nhà em”. Cô trêu chọc họ. “Không phải bỗng dưng đồng đất nhà em mận mòi đâu nhà”

“Mặn hay không chúng tôi đâu đã được nếm thử”.

Họ phá lên cười.

“Liệu có được ba tạ vụ này không?”

“Cầm chắc 5 tạ!”. Mặt cô vụt tối sầm... “Nhưng mà lão ấy còn nợ bạc...”.

Cô ngồi phệt xuống cỏ.

Nhớ đến chiếc bật lửa, cô giở nải ra và cầm chiếc bật lửa lên ngắm nghía. Vỏ của nó còn bóng loáng. Đầu bật thơm mùi xăng. Cô bật nhẹ. Một ngọn lửa nhỏ xíu lóe sáng. Sương bắt đầu rơi trên lối đi phủ đầy cỏ. Ngoài đồng từng

Ai chết đó! Nhạc buồn chi lắm thế
Chiều mờ cõi đời rét mướt ngoài đường
Phố chiều hiu màu đá cũ lên sương
Sương hay chính bụi phai tàn là tả?
(Trích *Nhạc Sầu* - Huy Cận)

nhánh lúa mới bén rễ cô đơn dưới bầu trời tím sẫm. Cô nhón vài hạt muối đưa lên đầu lưỡi. Vị mặn của muối giúp cô tỉnh táo. Cô đứng dậy và đi về nhà.

Từ xa cô nhìn thấy một làn khói mỏng manh từ phía nếp nhà của mình. Có lẽ con trai cô đang tụ tập với lũ trẻ trong xóm để bắn bi. Cô cảm thấy hài lòng với tổ ấm của mình.

Cô không còn nhớ đến người lái xe sáng nay, chẳng cần biết anh trôi dạt phương nào. Anh không phải là cuộc đời của cô. Nhưng có một điều mà cô sẽ luôn phải nhớ đến, đó là sự có mặt của chiếc bật lửa. Sớm trưa chiều tối, ngọn lửa từ sợi bắc nhỏ xíu sẽ hiện diện trong nếp nhà hai vợ chồng trẻ cùng đứa con trai của họ.

Nhưng cả cánh đồng lúa của họ, cả bầu trời và đức Phật từ bi của họ, và cả họ nữa, sẽ chẳng bao giờ biết rằng có một mối tình đã tan vỡ...



TRANG THƠ

NHẬT TRIẾT

TRỰC CHỈ NHÂN TÂM

Hỡi lão Tổ Đạt Ma
Tôi nhìn ánh mắt ông
Tôi biết ông nói gì.

PHƯƠNG TRỜI TÂY TRÚC

Có chiếc lá Bồ Đề (*)
Từ phương trời Tây Trúc
Bay đến đàu tay tôi

VÔ ĐỀ

Khi tôi chết đi
Là tôi đang sống
Trong trái tim ai.

TÌNH NGƯỜI

Ta tu sĩ sắp thành người đạt đạo
Bất ngờ em trăm sắc bước chân qua
Trời âm u bỗng trở nên huyền diệu
Và tình người hương sắc nở thêm hoa.

SẮC KHÔNG

Mặt nước mênh mông
Vàng trắng trong
Soi bóng nước
Tôi đã thấy tôi
Trong ánh trăng sắc không.

() Chú thích: Chiếc lá Bỏ Đẻ do thầy Huyền Diệu đem từ đất Phật về
tặng cho Phật từ VN.*

Chùa Linh Bửu

Tỏa sáng bóng Từ Bi

TRẦN KHÁNH MINH

Chúng tôi trở về chùa Linh Bửu (phường 5, quận 8, TP. Hồ Chí Minh) vào một ngày nắng đẹp của mùa thu, ngày 22 tháng 7 âm lịch, cũng là ngày mà hàng năm nhà chùa tổ chức đại lễ cúng dường trai tăng và chẩn tế cầu siêu cho cửu huyền thất tổ, chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn.

Riêng năm nay, ngoài đại lễ cúng dường trai tăng, nhà chùa còn tổ chức lễ an vị tôn tượng Quán Âm Bồ tát và khánh thành công tam quan mới vừa đại trùng tu. Nhìn công tam quan với ba chữ lớn “Linh Bửu Tự” mà lòng tôi không khỏi bồi hồi xúc động khi nhớ hơn 50 năm về trước, khoảng năm 1959, nơi đây là vùng đất hoang sơ, cỏ mọc um tùm, lúa làm một vụ và cũng là nơi chiến tranh ác liệt nhất của mặt trận cửa ngõ Tây Nam Sài Gòn lúc bấy giờ.

THỜI KỲ KHAI SƠN

Ban sơ, đây là mảnh ruộng của bác Hai Tỷ (tức ông Huỳnh văn Tỷ, người phát tâm cúng đất chùa). Sau khi bác

Hai phát tâm cúng dường thửa ruộng của mình thì người đứng ra thay mặt nhà chùa nhận đất là Sư Huệ Hải và cư sĩ Phạm Hữu Ích, người có công hạnh khai sơn các ngôi chùa rồi bàn giao lại cho người xuất gia. Cư sĩ Phạm Hữu Ích kết hợp với cư sĩ Lê Phát Tới, người anh thứ bảy của cố HT. Thích Giác Khánh, để ra Tòa Đô chánh Sài Gòn làm các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất về cho nhà chùa.

Thời gian từ 1959 – 1968 thì đây là vùng đất dân chúng thưa thớt, việc cúng dường hạn chế nên việc hình thành ngôi chùa cũng không thể tiến hành nhanh chóng được. Nền chùa được hình thành ban đầu do một số tu sĩ và cư sĩ tại Quan Âm tu viện (Biên Hòa) dưới sự điều động của HT. Thích Giác Khánh (Viện chủ chùa Liên Hoa) để đắp nên những gò đất đầu tiên. Sau đó có sự tham gia của người dân địa phương để dần dần tạo ra nền chùa cao ráo. Ngôi chánh điện được dựng lên từ cột bằng cây đước, mái lợp lá dừa chằm nên người dân gọi là chùa Lá. Chùa cũng có tên gọi khác là chùa Linh Sơn trong các dịp lễ vía thường niên.

Chùa Lá ban đầu do Cư sĩ Phạm Hữu Ích làm Thủ tự, nhưng do công hạnh phải đi nơi khác lập chùa mới, nên khoảng năm 1968 Cư sĩ nhờ ông Năm Ngôn, một thầy thuốc Nam về trông coi. Được vài tháng vì chiến tranh loạn lạc nên ông Năm Ngôn ra đi và thầy Hai (dân chúng gọi là thầy Hai đồ mã vì ông có biệt tài làm các loại đồ mã rất đẹp) về

thay thế.

THỜI KỲ TẠO TỰ

Thầy Hai cũng ở không lâu nên HT. Huệ Hải cung thỉnh Trưởng lão Thích Từ Đức về quản lý ngôi chùa Lá này từ năm 1968, đến năm 1973 thì do tuổi cao sức yếu Trưởng lão về núi Dinh tu tịnh hạnh ở điện Bồ Đề cho đến ngày viên tịch.

Trong thời gian làm trụ trì ngôi chùa này, Trưởng lão Từ Đức và HT. Huệ Hải có công trùng tu nhiều lần để chùa khang trang hơn, đồng thời ông cũng đặt lại bảng hiệu chùa là Linh Đức Bửu Tự thay cho chùa Lá hoặc Linh Sơn Tự trước đây. Trưởng lão Thích Từ Đức cũng là tôn sư cầu pháp của rất nhiều nông dân xứ Cần Giuộc, Nhà Bè hoặc thị dân chợ Tân Định.

Sau khi Trưởng lão về núi, người lo việc nhang khói cho chùa là thầy Ba Vĩnh (tức cư sĩ Phạm Phát Vĩnh). Trong thời gian này, sinh hoạt chùa có phần trầm lắng hơn do sức khỏe thầy Ba không tốt lắm và thời kỳ sau 1975 người dân phải dành nhiều thời gian tham gia lao động sản xuất.

THỜI KỲ PHÁT TRIỂN

Sau khi thầy Ba Vĩnh tịch, năm 1989 Thượng tọa Thích Thiện Tài, được Hòa Thượng Thích Giác Khánh (lúc bấy giờ làm Giám Luật Liên tông Tịnh độ Non Bông, Chánh Thư Ký Ban Đại diện Phật giáo Quận 8 và Trụ trì chùa Liên Hoa) bổ nhiệm về làm Trụ trì.

TT. Thích Thiện Tài nhận lãnh nhiệm vụ Trụ trì trong điều kiện cơ sở vật chất xuống cấp nghiêm trọng và sự cúng dường của bốn đạo còn rất hạn chế. Tuy nhiên, Thượng tọa bằng tinh thần xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo đã vững vàng tiến bước.

Theo hướng dẫn của Hòa thượng Giám Luật, Thượng tọa đã dựng lại bảng hiệu chùa và lấy tên là Linh Bửu Tự thay cho Linh Đức Bửu Tự hay Linh Sơn Tự trước đây.

Thầy đã từng bước trùng tu ngôi Tam Bảo, từ một mái chùa bằng tôn ván sơ sài, nay đã có được một ngôi đại hùng bảo điện 3 tầng với kiến trúc đặc sắc phương Đông, gồm Chánh điện, nhà Tổ và nhà khách trang nghiêm.

Đến năm nay (2014) công Tam Quan được hoàn thành cùng với tượng Bồ tát Quán Thế Âm lộ thiên tạc từ Đà Nẵng được tôn trí và an vị đúng vào ngày cúng Trai tăng 22/7 hàng năm.

Thượng tọa Thích Thiện Tài cũng đào tạo được nhiều đệ tử có trình độ tu học, đủ khả năng thay thế một mai thầy về cõi Phật.

Mỗi đêm có gần 100 Phật tử về chùa tụng kinh, sám hối. Những ngày đại lễ như Phật Đản, Vu Lan, có hàng nghìn Phật tử khắp nơi về lễ bái.

Chùa cũng là địa chỉ của Phân hội Chữ Thập Đò Phường 5, Quận 8 với nhiều hoạt động từ thiện xã hội như: tặng quà người nghèo, xây nhà tình thương, tình nghĩa, tài

CUNG SẦU
VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Ta vuốt cung sầu lên ngón tay,
Ôm từng thương nhớ vắn trâm giây.
Chơi vui tiếng hát chiều ly xứ,
Rót xuống hồn đau đổ bóng gầy.

trợ cho học sinh nghèo hiếu học, tổ chức Trung thu cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương,...

Nhà chùa cũng có tủ sách Phật học căn bản dành cho Phật tử đến nghiên cứu giáo lý.

Thượng tọa Thích Thiện Tài cũng là tác giả của bộ sách văn học Phật giáo gồm 10 đầu sách với các thể loại văn thơ đã phát hành từ năm 2011 đến nay, thu hút khá nhiều độc giả hâm mộ.

Như vậy trong thời gian 55 năm qua (1959-2014) chùa Linh Bửu đã hình thành và phát triển từ một ngôi chùa lá đã trở thành một ngôi Đại hùng bảo điện, làm nơi nương tựa cho hàng ngàn thiện nam tín nữ. Được như ngày nay, chúng ta luôn nhớ đến các bậc tiền hiền: Hòa thượng Thích Giác Khánh người có công khai sơn; Hòa thượng Thích Từ Đức, người có công tạo tự, trụ trì suốt thời kỳ chiến tranh và Thượng tọa Thích Thiện Tài, người đã phát triển và hoàn chỉnh để ngôi chùa Linh Bửu có được diện mạo như ngày hôm nay.

H O A K H Ế

NGUYỄN NHẬT ÁNH

Lòng tôi là cây khế
Em là chim về chơi
Vàng kia em chẳng trả
Chỉ nhả hạt xuống thôi

Hạt rớt xuống thành cây
Cây cũng toàn cây khế
Từ khi em đi rồi
Vườn tôi thành lạng lẽ

Biết bao giờ trở lại
Cánh chim em ngày nào
Lòng tôi hoa khế rụng
Xuống nổi buồn nôn nao

HÃY CHO TÔI SỐNG TIẾP MỘT NGÀY

NGUYỄN HẢI THẢO

Hãy cho tôi sống tiếp một ngày
Để còn nhìn thấy ánh ban mai
Lấp lánh trên màu xanh lá cỏ
Trong khu vườn đọng dấu chân ai.

Tôi thèm đến quán cà phê cũ
Chọn một chỗ ngồi đã thân quen
Gọi ly “đen đá”, dăm điếu thuốc
Thư giãn cho vui những muộn phiền.

Hãy cho tôi sống tiếp một ngày
Để còn nhìn thấy bạn bè tôi
Dẫu rằng nay đã phai màu tóc
Tâm sự cùng nhau qua “net” thôi.

Tôi thèm hít thở bầu không khí
Trong lành những buổi sáng tinh khôi
Để nghe sức sống căng buồm ngực
Thêm yêu cuộc sống, yêu con người.

Hãy cho tôi sống tiếp một ngày
Để tôi còn nhặt chút niềm vui
Để tôi quên bớt đời khổn khó
Với những nhọc nhằn luôn bủa vây!

Tôi thèm ra khỏi nơi quen thuộc
Đến những miền cao ngất núi đồi
Hoặc những chuyến xuôi về phía biển
Dừng chân bên bãi đợ trắng soi.

Hãy cho tôi sống tiếp một ngày
Để tôi còn thấy lá thu rơi
Còn nghe gió hát trong chiều nắng
Hòa với nhịp tim thoáng bồi hồi...

Chiếc phong bì sót lại

PHAN CÁT TƯỜNG

- Cướp, cướp... Cướp vé số... Có ai cứu tôi?...

Tiếng la thất thanh của bà Sáu bán vé số giữa ban trưa yên tĩnh của nghĩa địa nằm cạnh một khu phố nghèo không làm ai chú ý. Ở đây, chuyện cướp giật xảy ra hàng ngày làm trở đi những trái tim hiệp sĩ vốn một thời lừng danh khu nghĩa địa.

Tuy vậy, có hai anh dân phòng đang ngủ gật dưới bóng râm cây bò cạp vàng cũng cố nhướn mắt đuổi theo gã đầu trọc đang ra sức gặm rú ống pô trên chiếc Wave cũ kỹ. Cuộc đuổi bắt dường như diễn ra như cho có lệ vì mọi người đều hiểu là kẻ cướp kia vốn thiện nghệ và xấp vé số trên tay bà Sáu cũng chẳng đáng giá bao nhiêu so với số tiền của những vụ cướp táo tợn hơn ở đây.

Nhưng cái chẳng đáng giá đó là cả một gia tài lớn của bà. 100 tấm vé số đó, nếu bán hết trong ngày hôm nay thì chiều nay cái chòi lá ọp ẹp của bà bên cạnh gò mả đất đầu xóm sẽ có bếp lửa hồng ấm cúng. Thằng cu Tý, đứa cháu ngoại duy nhất sống với bà sẽ no bụng và tối nay nó sẽ hớn hờ cùng chúng bạn kéo đến lớp học tình thương của chùa

Đại Bi trong ánh mắt rạng rỡ niềm vui của bà ngoại nó. Và ba mẹ nó chôn suốt vàng chắc sẽ cười mãn nguyện vì bà ngoại đã thay ba mẹ nó chăm sóc cu Tý cẩn trọng như hồi ba mẹ nó còn sống vậy.

Hai anh dân phòng trở lại gốc cây bò cạp vàng với gương mặt tiu nghỉu vì cuộc đuổi bắt bất thành. Bà Sáu lủi thủi đi về phía cổng chùa Đại Bi, một thói quen mỗi khi bà gặp chuyện rủi ro trong cuộc sống. Chiếc nón lá bà đội đã rách bươm, không đủ cản được ánh nắng rọi lên mái đầu bạc trắng đã qua tuổi sáu mươi.

Trưa nay, cổng chùa không khóa như mọi khi mà chỉ khép hờ. Bàn tay còm cõi của bà chỉ đủ sức đẩy chiếc cổng nặng nề ra độ vài gang tay đủ để len người vào. Bà đi thẳng đến tượng Quan Âm lộ thiên và quỳ xuống cầu nguyện lâm râm điều gì đó. Dưới ánh nắng trưa, cái bóng bà nhỏ thó, nhẵn nhúm đến thảm hại và cũng gầy còm y như bà. Trong không gian tĩnh lặng của ngôi chùa buổi trưa, hình như chỉ có cái bóng còm cõi ấy làm bạn với bà và thấu hiểu được trái tim thổn thức trong lồng ngực vốn đã quen với những bất hạnh của kiếp người.

Tuy bà cầu nguyện rất nhỏ, nhưng cũng đủ để thầy Tâm Thiện đứng sau lưng bà nghe được khá rõ ràng...

- “Lạy mẹ Quan Âm, con là Sáu Vé Số đây. Con bị kẻ xấu giựt mất xấp vé số rồi. Chiều nay thằng cu Tý không có cái ăn. Con còn phải đền tiền cho chủ vé... Con xin Mẹ

giúp con qua được cái khó này, cho thằng cu Tý cháu con có cái ăn chiều nay để nó được vui vẻ đi học cùng chúng bạn... Nam mô Đại Từ Đại Bi Cứu khổ cứu nạn Quán Thế âm Bồ tát ”.

Thầy Tâm Thiện đặt nhẹ tay lên vai bà:

- Bồ tát nghe rồi đó, thôi bà đi ra phía sau chùa ăn phần cơm mà nhà bếp đã để dành cho tôi. Hôm nay tôi đi trai tăng về không thấy đôi...

Tuy thầy Tâm Thiện nói thế, nhưng bà Sáu vẫn chần chừ, vì bà hiểu rõ chùa Đại Bi vẫn là ngôi chùa nghèo trên vùng nghĩa địa này. Xưa nay, mọi người vẫn biết là thầy Tâm Thiện vẫn hay nhìn miệng đê cho những người nghèo khó bất chợt ghé chùa.

Thầy Tâm Thiện nắm tay dắt bà Sáu xuống bếp ăn. Khi thầy trở lên thì cổng chùa đã chật ních người, tiếng còi xe inh ỏi, tiếng người đi hành hương í ới gọi nhau.

Thấy có thầy lên, mọi người bỗng im bật. Cô Diệu Hạnh, trưởng đoàn hành hương với áo tràng lam trang nghiêm, đến bạch thầy:

- Bạch thầy, chúng con đi từ thiện ở trại dưỡng lão về. Nhân tiện ghé chùa lễ Phật.

Thầy Tâm Thiện tươi cười:

- Quý hóa thay, mời các vị ra sau rửa mặt rồi lên chánh điện lễ Phật.

* * *

Bà Sáu ngồi trước mâm cơm của thầy Tâm Thiện trong tâm trạng rối bời. Bà biết mình không đủ phước đức để có thể thọ dụng của chùa. Hơn nữa, thầy có thể phải nhịn bữa trưa nay để cho bà được no lòng... Bà Sáu cảm thấy áy náy trong lòng. Bà đứng dậy và trở ra tượng Quan Âm trước cổng chùa. Bà quỳ xuống dưới cái nắng gay gắt và tiếp tục cầu nguyện với Bồ tát.

Lễ Phật xong, đoàn hành hương ra sân lễ Quan Âm trước khi ra về. Một người trong đoàn thấy bà Sáu quỳ ngay trước tượng Quan Âm làm chướng ngại cho sự hành lễ nên lên nói nhỏ với bà:

- Bà làm ơn cho tụi con đánh lễ xong, sẽ trả lại sân cho bà nhé!

Cô Diệu Hạnh cũng vừa đi tới. Nãy giờ cô cũng nghe thầy Tâm Thiện kể về hoàn cảnh bà Sáu nên đã lục lại trong giỏ xem còn gì để bố thí cho bà không. Khi bàn tay cô mò trong chiếc giỏ mềm mại, thì bỗng chạm phải một phong bì còn nguyên, chưa bóc vỏ. Cô ngạc nhiên lôi ra thì mới phát hiện đó là phong bì cô đã vô ý để sót lại khi tặng quà trong tại dưỡng lão sáng nay.

Cô Diệu Hạnh chạy vội đến đỡ bà Sáu dậy và nói với mọi người:

- Đây là bà Sáu bán vé số ở gần chùa. Bà mới bị kẻ xấu giật mất xấp vé số rồi. Cũng may, ở trại dưỡng lão, tôi đã vô ý để sót một phong bì trong giỏ. Mọi người có đồng ý

Chợt tiếng buồn xưa động bóng cây
Người đi chưa dạt dấu chân giày
Bàn tay nằm đó không ngày tháng
Tình ái xin về với cỏ may.
(Trích *Thanh Xuân- Nhã Ca*)

tặng phong bì này cho bà Sáu không?

Mọi người vỗ tay:

- Đồng ý. Chụp tấm hình kỷ niệm luôn...

Bà Sáu được cô Diệu Hạnh đỡ đứng lên để chụp hình chung với đoàn từ thiện trước tượng Quan Âm. Bà được bố trí đứng giữa thầy Tâm Thiện và cô Diệu Hạnh. Lần đầu tiên trong đời bà cảm thấy hạnh phúc, ấm áp tình người như thế!

* * *

Buổi chiều hôm đó, người ta thấy chú Tám xe ôm chở đến túp lều tranh của bà Sáu một bao gạo 50 ký. Rồi chú còn chở bà đi trả nợ xấp vé số bị giật hồi trưa và mua cho thằng cu Tý một cái áo trắng mới tinh để hàng đêm nó xúng xính đến lớp tình thương của chùa Đại Bi.

Chiếc phong bì còn sót lại đã làm cho buổi chiều trong khu nghĩa địa này ấm áp hơn dù mùa Đông đã chớm về.

(*Nguồn: Giác Ngộ 769*)

LỤC BÁT BUỒN

LAM ĐIỀN

Thôi anh về với cội nguồn
Vớt trăng đáy nước cười sưng đáy lòng
Em trừ anh cũng bằng không
Cộng thêm một mớ bông bong cũng kỳ.

Thôi anh về để em đi
Nhặt râu miệng giếng vên vi miệng người
Nhớ nhau góp một tiếng cười
Thả vào vô tận như lời cho nhau.

Anh về giữ một cơn đau
Giữ đầu dây sợ chiếc gàu không rơi
Thôi về đi nhé, tôi ơi
Hóa ra góc bể chân trời... tào lao.

Cũng là một giấc chiêm bao
Mà thương nhau để lừa nhau làm gì?

OK OM BOK

NGUYỄN ĐỨC TÓ

Lễ Ok Om Bok theo tiếng dân tộc còn được gọi là “Phochiua Praschanh som paes khee” có nghĩa là lễ Cúng trăng của người Khmer Nam bộ. Được tổ chức vào ngày 14 và 15 tháng 10 âm lịch hằng năm. Lễ hội này diễn ra hầu như khắp các tỉnh có người Khmer cư trú tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nhiều nhất là tại Trà Vinh, Sóc Trăng.

Đây là lễ hội tung bưng được chờ đón nhiều nhất trong năm. Trong đời sống văn hóa tâm linh của người Khmer, thần mặt trăng được xem là vị thần quan trọng, nên được mỗi gia đình, mỗi phum sóc và cộng đồng người Khmer đều suy tôn và thờ cúng. Từ xưa, hằng tháng, cứ vào ngày trăng tròn- ngày rằm- người Khmer đều tổ chức lễ cúng trăng tại nhà, cầu cho vị thần này bảo hộ mùa màng

để thóc lúa đầy bồ. Khi ảnh hưởng của Phật giáo Nam tông lan rộng, người Khmer vẫn chọn ngày trăng tròn và ngày không trăng (ứng với ngày rằm và ngày 30 âm lịch) hằng tháng đến chùa nghe kinh, niệm Phật cầu khẩn các vị thần linh, trong đó có thần Mặt Trăng, phù hộ cho họ có cuộc sống sung túc.

Để tổ chức lễ hội Ok Om Bok, trước tiên, người Khmer dựng một cái cổng với hai cây tre làm trụ kết hoa lá và vòm ngang bằng lá dừa, trên đó người ta giăng một dây trầu 12 lá được cuốn tròn, tượng trưng cho 12 tháng trong năm, một dây cau bảy trái được chẻ vỏ xò ra như cánh con ong, tượng trưng cho bảy ngày trong tuần. Dưới cổng, các lễ vật được đặt ngay ngắn gồm lúa nếp quét thành cốm dẹp, các loại sản vật nông nghiệp như khoai lang, khoai môn, sắn, dừa, chuối, bưởi, cam, bánh, kẹo... Vào đêm 14 trăng tròn hoặc đêm 15 khi trăng lên cao, người người lại tập trung ở sân chùa hoặc sân nhà, hướng về mặt trăng để làm lễ. Lễ có sự tham dự của người cao tuổi và trẻ nhỏ. Người cao tuổi nhất trong phum, sóc sẽ được mời để làm lễ. Chủ lễ khẩn vái bày tỏ lòng biết ơn đối với thần Mặt Trăng, xin thần tiếp nhận lễ vật và ban cho mọi người sức khỏe, mùa màng tươi tốt. Sau khi cúng, các em nhỏ sẽ được chủ lễ đốt cốm dẹp, đồng thời vỗ khẽ vào lưng và hỏi về những mong muốn của các em. Ước muốn của các em nhỏ sẽ là niềm tin và động lực cho người lớn thực hiện vào năm tới. Sau đó,

tất cả cùng vây quanh thưởng thức các lễ vật, ca hát, vui chơi.

Lễ hội đua ghe Ngo

Theo phong tục cổ truyền của người Khmer, sau lễ cúng trăng là tục đua ghe ngo. Lễ hội đua ghe ngo là dịp tập trung đông đảo nhất của người Khmer Nam bộ, tổ chức ở nhiều tỉnh thành trong khu vực. Đua ghe ngo của người Khmer gồm hai loại: đua trên cạn và đua dưới nước. Đua trên cạn chủ yếu là sự tái hiện, mô phỏng lại cuộc đua ghe dưới nước. Nó thường tổ chức gắn liền với các lễ hội truyền thống và đó là trò chơi thường xuất hiện trong phần hội sau các lễ thức truyền thống.

Đua ghe dưới nước được coi là hoạt động rước nước đặc thù của dân cư nông nghiệp lúa nước. Điều này chứng tỏ người Khmer khao khát có một mùa màng bội thu, thể hiện qua hoạt động đua ghe, rước nước này. Theo phong tục, vào ngày 10 âm lịch hằng năm, người Khmer nam bộ (chủ yếu ở Sóc Trăng, một số tỉnh như Trà Vinh, Cà Mau, Kiên Giang, Hậu Giang...) hăm hở tham gia lễ hội ghe ngo.

Ghe ngo là loại ghe có hình dáng dài như con thoi, đầu và đuôi cong lên, đặc biệt không có mui, dài khoảng từ 25 đến 27 mét với 20 đến 24 khoang dành cho 50 đến 60 người ngồi đua. Nguyên liệu làm ghe là cây sao nguyên vẹn, khoét bỏ phần ruột cây. Công việc này thường do nghệ nhân có tay nghề cao và các sư sãi ở trong chùa thực hiện.

Sau khi đã móc ruột để thành chiếc ghe, người ta chà thật bóng láng, dùng màu sơn phết lên ghe đua, trang trí chiếc ghe theo phong cách Khmer. Thân ghe sơn màu đen, be ghe sơn một vệt màu trắng, mũi vàng hoặc màu đỏ. Phần còn lại hai bên ghe được chạm trổ rất tinh xảo, hoặc vẽ hình các con vật như rồng hay rắn. Đầu ghe người ta vẽ hình các con thú như rồng, chim công, sư tử, cọp, voi vừa biểu hiện cho sức mạnh của chiếc ghe đua vừa thể hiện nét đẹp độc đáo của truyền thống văn hóa Khmer. Hiện nay, địa điểm diễn ra cuộc đua ghe ngo là thành phố Sóc Trăng, tất cả ghe đua của các tỉnh như Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Cà Mau, An Giang, Cần Thơ... đều về đây tham dự. Hầu như chùa nào cũng có ghe Ngo để tham gia vào cuộc đua hằng năm, điều này chứng tỏ hội đua ghe ngo có vai trò quan trọng trong đời sống của người dân Khmer Nam bộ.

Lễ hội thả đèn – Lôi Protip

Một lễ hội không kém phần quan trọng trong chuỗi lễ hội Ok Om Bok là Lễ hội Thả đèn nước. Thả đèn nước hay lễ hội Lôi Protip xuất phát từ đạo Phật và phát triển theo điều kiện kinh tế, đời sống xã hội của cộng đồng người Khmer Nam bộ. Một nghi lễ tôn giáo, theo truyền thuyết là để cúng chiếc răng của Phật Thích Ca được rắn thần Naga cất giữ. Đồng thời, theo quan niệm của đồng bào Khmer, sau một năm lao động sản xuất và sinh hoạt của mình, hằng ngày con người đã làm vấy bẩn đến thiên nhiên nên phải làm một

ngghi lễ để tạ lỗi. Trước đây những chiếc đèn Protip (hoa đăng) thường được làm bằng một chiếc bè chuối, trên bè trang trí nhiều mô hình như chùa, tháp, rắn thần Naga với nhiều hoa văn lộng lẫy và nhiều đèn nên được thắp chung quanh. Khi đời sống kinh tế của đồng bào được nâng lên, chiếc bè được cải tiến bằng gỗ, tre, trúc và mút xốp, hoa lá kết thành nhiều kiểu dáng đẹp, với các mô hình như chánh điện, chim, rồng, công, hoa sen... Sau khi bày biện các thứ lễ vật như gạo, muối, các loại trái cây, các vị sư tụng kinh để tưởng nhớ đến Đức Phật, sau đó vị chủ lễ đốt nhang và nói lên lòng biết ơn của đồng bào đối với các vị thần đã đem lại mưa thuận gió hòa và mong cho sức khỏe của mọi người được dồi dào, thời tiết thuận lợi để có được một mùa bội thu trong năm tới. Sau phần nghi lễ, Protip được thả trôi theo dòng nước, có dàn nhạc ngũ âm “pleng pin peth” và đội trống Chhayam phụ họa, làm cho không khí buổi lễ thêm trang trọng. Ngày nay, hội Thả đèn nước Lôi Protip không chỉ là lễ hội tôn giáo mà đã trở thành lễ hội dân gian truyền thống, được phổ biến rộng rãi.

Những năm sau này, lễ hội Ok Om Bok được tổ chức với quy mô lớn tại Trà Vinh, không chỉ là ngày hội của đồng bào Khmer tại tỉnh mà còn thu hút rất đông khách tham quan, du lịch. Lễ hội Thả đèn được tổ chức tại Ao Bà Om, một thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Trà Vinh. Ao có hình vuông nên người dân còn gọi là Ao Vuông, có diện

N Ầ M R Ầ U

PH Ạ M P H Ứ H ẢI

Sớm mai cạo nửa hàm râu
Để dành bớt nửa khi râu nhỏ chơi
Cuộc vui tụy lộng bời bời
Nhào lui lộn tới một đời sẽ qua
Râu ơi rồi sẽ bỏ ta
Đi về đâu những xế tà trắng mây

tích khoảng 10ha, mặt nước trong xanh phẳng lặng, hoa súng, hoa sen dập dờn khoe hương sắc. Đêm hội Ok Om Bok quanh Ao Bà Om đã trở thành ngày hội lớn với những chương trình nghệ thuật dân tộc được chính những người tham gia lễ hội trình diễn.

Lễ hội Ok Om Bok không chỉ là lễ hội của người dân Khmer Nam bộ mà đã trở thành di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, mang lại niềm vui, niềm tự hào của đồng bào Khmer, nhằm quảng bá nét văn hóa, thể thao truyền thống và cũng là một sản phẩm du lịch, tương xứng với giá trị vốn có của lễ hội Ok Om Bok.

NGUYỄN ĐỨC TỐ phụ trách

- Phật giáo Q.8 kết hợp với UB.MTTQ Q8 tổ chức phóng sinh, đồng thời bảo vệ môi trường vào các ngày 19AL hằng tháng tại chùa Long Hoa P15, Q8.

- Ban Bảo Trợ Hội Chữ Thập Đỏ Quận 8 kết hợp với BTS. GHPGVN Quận 8 tổ chức trao 400 phần quà từ thiện cho đồng bào nghèo, dân tộc ít người tại tỉnh An Giang. Công tác cứu trợ có sự tham gia của các chùa Thường Quang, Long Hoa, Long Vân, Lộc Dã, Bửu Quang. Tổng kinh phí từ thiện là 200 triệu đồng.

- Các chùa trong quận hỗ trợ các phường địa phương tổ chức “*Bữa cơm người già*” nhân ngày lễ Quốc tế Người cao tuổi 1/10 cho các cụ cao tuổi.

- PG Quận 8 tổ chức hiệp kỵ cho chư tôn đức tiền hiền các chùa Pháp Minh, Giác Linh, Long Vân, Thiên Trường, Phổ Chiếu, Pháp Quang...

- Tiếp tục khai giảng lớp sơ cấp Phật học Quận 8, khóa 9, sau khi Tăng Ni sinh đã hoàn tất kết hạ an cư.

- Ban Trị sự PG Quận 8 tổ chức lễ bổ nhiệm Trụ trì chùa Định Lâm P16, Q8, chùa Quang Hải P16, Q.8.

- BTS. GHPGVN Quận 8 tổ chức buffet chay nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu PL.2558 tại chùa Long Hoa nhằm gây quỹ tài chánh của BTS.PG Quận 8 năm 2014.

AN CƯ KIẾT HẠ

THÍCH NỮ HIỀN THỨ

Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhận chân được tầm quan trọng của pháp tu An cư kiết hạ, cần thiết cho việc thăng hoa đạo hạnh, nên hằng năm đều sắp xếp, tổ chức an cư cho Tăng Ni ở khắp mọi miền đất nước và đưa ra khẩu hiệu cần thực hiện là: Thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức, siêng tu tam vô lậu học.

Thúc liễm thân tâm, chính là thúc liễm thân tứ đại và vọng tâm. Trong mùa an cư, Tăng Ni cần điều chỉnh thân tứ đại sao cho khỏe mạnh, giữ gìn tứ oai nghi theo Phật dạy. Và nhất là cột tâm, đừng suy nghĩ những điều bất thiện, không để phiền não tâm sanh khởi.

Về trau dồi giới đức, mới tu thì lấy giới để ràng buộc vọng tâm và xây dựng tứ oai nghi cho thành tựu. Lâu dần, giới này biến thành đức và dùng đức hạnh ấy để cảm hoá người. Nhờ kết hợp thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức, nên tâm bình ổn gọi là định. Khi định thì tập trung được tư tưởng, huệ sẽ phát sáng. Có thể nói phần chính yếu trong lúc cấm túc an cư là tu định và huệ. Nhờ có an cư, chúng ta dứt bật các ngoại duyên để tập trung quan sát lại thân và hoàn cảnh mình sống, làm sao cho thích nghi với hoàn cảnh, tạo được một cuộc sống có ý nghĩa. Đó chính là thể

200. “Vui thay chúng ta sống,
Không gì, gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư thiên Quang Âm.”
(PHÁP CÚ)

hiện được huệ vô lậu trên bước đường tu.

Thực hiện theo quy định của trên, năm nay, BTS-GHPG Q8 tổ chức 5 trường hạ cấm túc tại chỗ tại chùa An Phú và Thường Quang dành cho Tăng và chùa Pháp Quang, Bửu Quang, Huệ Lâm dành cho Ni. Trên 400 Tăng Ni thuộc các tự viện trên địa bàn Quận 8 tham gia. Trường hạ Pháp Quang đã hân hạnh tiếp đón Hoà thượng Thích Huệ Văn, (Văn phòng Thành Hội) và ông Trần Trung Tính nguyên Phó Chủ tịch UBMTTQ TP.HCM đã đến khuyến tấn và thăm hỏi. Công tác tổ chức An cư kiết hạ PL.2558, năm 2014 do BTSGHPG Q8 thực hiện đã hoàn thành viên mãn.

Mong rằng sau mùa an cư, chư Tăng Ni được khỏe mạnh, tâm hồn trong sáng, thấy biết mọi việc của ta và người một cách đúng đắn, thể hiện được cuộc sống có ý nghĩa của người xuất gia. Đó là con đường dẫn đến Niết Bàn, đạt được mục tiêu của đức Phật đã vạch ra cho chúng ta, không cô phụ công ơn giáo dưỡng của thầy tổ và của đàn na tín thí cúng dường.

NIỆM PHẬT VẮNG SANH

NGUYỄN DƯ

Phật giáo có vô lượng pháp môn, giáo lý của chư Phật ví như màn lưới của Phạm Thiên, bao trùm khắp hết cả chúng sinh. Ngoài chư Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, còn lại sáu pháp giới kia đều là chúng sinh lăn lộn trong sáu nẻo luân hồi với nhiều thứ tà kiến, sự sống an lạc hay không an lạc đều do nghiệp chiêu cảm ra, nặng hay nhẹ mà thôi. Do đó, đức Phật đã dùng mọi phương tiện, làm cho họ phát khởi lòng tin đối với chánh pháp.

Pháp môn chúng ta đang tu tập chỉ là một pháp tu trong vô số phương tiện cứu cánh của đức Phật mà thôi. Quả vị viên mãn hoàn toàn, nên không có đức Phật nào lại hơn đức Phật nào, công đức của mỗi vị Phật đều tròn đầy như nhau, có chẳng từ bản nguyện của mỗi vị Phật. Như đức Phật A Di Đà, khi ở nhân địa tu thì phát nguyện và chọn cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm để độ chúng sinh. Vì thế chúng ta thường niệm danh hiệu A Di Đà Phật để mong trả được nghiệp chướng, được về cõi tịnh độ.

Trong kinh A Di Đà có nói Phật Thích Ca đã bốn lần khuyên chúng ta nên niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Vì thế

chúng ta nghe lời dạy của Đức Phật Thích Ca mà niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Không những Đức Phật Thích Ca mà trong kinh Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà có nói rằng tất cả chư Phật Như Lai đều khuyên niệm Phật A Di Đà. Trong kinh Đại thừa, ở bài “Khóa tụng sáng tối”, thì trong 88 vị Phật đều có “Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật”.

Như thế có nghĩa A Di Đà Phật là bản danh của tất cả pháp giới chư Phật. Tại sao A Di Đà lại là tên gốc của tất cả chư Phật ? Bởi, danh hiệu này từ tiếng Phạn dịch nghĩa là Vô lượng. Chữ “A” dịch là “Vô”, chữ “Di Đà” dịch là “Lượng”, chữ “Phật” dịch là “Tri” hay “Giác”. A Di Đà là dùng vô lượng tri, vô lượng giác biến khắp mọi nơi, cho nên tất cả các vị Phật đều khuyên chúng ta nên niệm A Di Đà Phật. A Di Đà Phật cũng là tên chung của tự tánh chúng ta. Trong kinh điển Đại thừa, đức Phật nói rằng tất cả hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả vô tình chúng sanh đều có pháp tánh. Trong hội giảng kinh Hoa Nghiêm, Thế Tôn nói: “Tất cả chúng sanh đều có trí huệ và tướng đức của Như Lai”.

Phật dạy chúng ta niệm A di Đà Phật là dạy cho chúng ta khôi phục tự tánh. Cũng như ta đang ngủ, đang mê hoặc điên đảo, câu A Di Đà Phật này đánh thức ta dậy. Sau khi tỉnh dậy mới biết mình là A Di Đà. Nhưng vì chúng ta mê quá lâu, quá sâu, kêu hoài không tỉnh, Chư Phật Như Lai đã giác ngộ nên hộ trì chúng ta. Pháp Tạng tỳ kheo ở Phương

201. “Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.”

(PHÁP CÚ)

Tây Cực lạc Thế giới đã thành A Di Đà Phật, Ngài phát tâm cứu độ chúng ta. Ngài nói chỉ cần chúng ta có đủ chân tín và thiết nguyện. Chân tín và thiết nguyện là Bồ Đề tâm, cộng thêm nhất hướng chuyên niệm, mục tiêu duy nhất là chuyên niệm A Di Đà Phật thì sẽ được thành công.

Do đó, muốn được vãng sanh về cõi Tịnh độ, ngoài tu các công đức, tu theo các pháp môn, ta phải luôn tưởng đến Phật và chuyên tâm nhất ý xưng tụng hồng danh A Di Đà, vì Ngài là vị Phật đã phát nguyện ở thời quá khứ để mở ra cõi nước thanh tịnh, chấm hết mọi khổ đau của sinh tử. Phật dạy: “Nhất tâm xưng một danh hiệu Phật công đức bất khả tư nghì”. Vậy muốn vãng sanh về cõi Tịnh độ chỉ cần chuyên tâm nhất ý, luôn nhớ tưởng và xưng danh hiệu Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là bản thể của tự tánh, là pháp giới tạng thân A Di Đà Phật. Khi niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà là niệm hết tất cả danh hiệu của chư Phật. Phải cố gắng xả bỏ hết mọi chương nghiệp, nhiếp ý chuyên tâm trì thánh hiệu A Di Đà Phật để được đời nghiệp vãng sanh.

THƠ TRẦN BẢO ĐỊNH



THĂM EM

Tôi về gõ cửa nhà em
Nắng mai nhảy múa trên thềm rêu
xưa
Trẻ con rượt đuổi vui đùa
Khách ơi, cô đã lên chùa nhiều
năm.

TRÔNG KHÔNG

Hạt mưa rơi rỏ mặt hồ
Lăn tăn sóng vỗ mép bờ thảo hoa
Nụ bông súng khép chiều tà
Mây vi diệu rớt trắng và trống không!

BÓNG

Bóng trắng qua cửa phù vân
Ta về rũ hạt bụi trần nửa đêm
Có chi thiên tử gọi thiên
Một chân chạm đất, chân nghiêng mái chùa!

CỐI KHÔNG

Đã thân tứ đại vô thường
Cối lên lưng sóng rẽ đường cối không
Nằm chơi tâm tĩnh máu đông
Hái trắng, liệng gió, thuyền cong mạn thuyền

NHẬP THỂ

Lửa tàn còn chút khói bay
Củi lò đôi lúc mượn vay lửa tàn
Im lìm trắng cỏ sương tan
Kệ kinh, dùi mõ, Sư mang vào đời!

CHIỀU VIỄN PHƯƠNG

Quây kinh vô tự qua sông
Vô thanh vó ngựa tang bồng hải hê
Nhật từng cọng lá Bồ Đề
Gom mây, quét nắng, gửi về cố hương!

XIN HỎI

Hoa Ưu Đàm nở lưng trời
Không trung nhã nhạc đón mời Như Lai
Sen vàng rực dưới gót ai
Có hay thiên hạ tàn phai tận cùng?

HƯƠNG THIÊN 30

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419

Fax: (08) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhovavannghe.org.vn

nxbvanhovavannghe@yahoo.com.vn

Website: nxbvanhovavannghe.org.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

Biên tập: Nguyễn Kim Phước

Sửa bản in: Bảo Bảo

Trình bày: Hương Thiên Design

Bìa: Cát Tường

Liên kết xuất bản: Hương Thiên Books

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty in Thành Tiến, 195/37D Bùi Minh Trực, P.5, Q.8, TP.HCM

Số đăng ký KHXB: 09-2014/CXB/31-130/VHVN

QĐXB số: 398/QĐ-NXBVHVN ngày 12/11/2014

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2014

Chúc mừng ĐĐ. Thích Tác Bồn



Ngày 9/10/2014, ĐĐ. Thích Tác Bồn, Trụ trì Tổ đình chùa Pháp Bảo (Đức Hòa, Long An) nhận bằng khen của UBND tỉnh Long An vì đã có thành tích đóng góp công tác “Về nguồn” tại xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, Long An năm 2014

MỘ HOÀI ĐỘC ẨM

Trần Phong Giao

Ly này ta rót mời ta
Chưa uống đã thấy xót xa phận mình
Mới ngày nao tóc còn xanh
Mà nay đã bạc, đã giềnh, đã thưa.

Rót thêm ly nữa mời ai
Chia tay mời bạn cõi ngoài vân du
Cỏ xanh đất mát ngàn thu
Trong hơi gió thoảng ai ru hồn người

Chiều cuối năm lá vàng rơi
Ly này ta rót mời người áo xanh
Lòng mưa ngâu, nắng hong hanh
Vàng rêu mái lá, buồn tênh mây trời.

Ly này, em của ta ơi!
Gương quầng hố thẳm, ta mời ta sao?
Ngựa hồng tung vó trời cao
Áo sòng xưa đã giữ vào hư không...

Lưng trời giọt đại hồng chung
Quyện theo tiếng mõ mịt mùng quạnh hiu
Vô ngôn chiều ngẩn ngơ chiều
Vật vờ trôi giọt con diều đứt dây

Ly này uống nữa thì say
Trốn tà huân cánh én bay về nhà
Một mình ta uống cùng ta
Mộ hoài độc ẩm xót xa phận mình

Mới ngày nao tóc còn xanh...

ISBN: 978-604-68-0993-7

15.000 đ

